

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT
CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA
PHƯƠNG THUỘC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2025

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HUẾ

Năm 2026

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	4
PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG	6
1. Mục tiêu và ý nghĩa khảo sát DDCI	6
2. Căn cứ pháp lý và thực tiễn triển khai	7
3. Phạm vi, đối tượng khảo sát	8
4. Phương pháp và quy trình khảo sát.....	8
PHẦN II. KẾT QUẢ TỔNG HỢP DDCI NĂM 2025	9
1. Quy mô và chất lượng dữ liệu khảo sát	9
2. Kết quả xếp hạng tổng thể	9
3. Đánh giá chung toàn tỉnh Khánh Hòa	10
PHẦN III. PHÂN TÍCH 8 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN.....	12
1. Điểm và xếp hạng các nhóm chỉ số thành phần.....	12
1.1. <i>Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</i>	12
1.2. <i>Tính năng động</i>	15
1.3. <i>Chi phí thời gian</i>	19
1.4. <i>Chi phí không chính thức</i>	22
1.5. <i>Cạnh tranh bình đẳng</i>	25
1.6. <i>Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp</i>	29
1.7. <i>Thiết chế pháp lý</i>	32
1.8. <i>Vai trò người đứng đầu</i>	36
PHẦN IV. PHÂN TÍCH TRỌNG TÂM	40
1. Các điểm mạnh nổi bật.....	40
1.1. <i>Chi phí thời gian</i>	40
1.2. <i>Vai trò người đứng đầu</i>	40
1.3. <i>Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</i>	40
2. Các điểm cần cải thiện	41
2.1. <i>Chi phí không chính thức</i>	41
2.2. <i>Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp</i>	41
3. Chênh lệch giữa các nhóm đơn vị	41
3.1. <i>Nhóm sở, ban, ngành và nhóm địa phương</i>	41
3.2. <i>Chênh lệch giữa nhóm dẫn đầu và nhóm cuối bảng</i>	42

3.3. Đánh giá kết quả DDCI và PCI tỉnh Khánh Hòa.....	42
PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	44
1. Kết luận chung	44
3. Kiến nghị đối với UBND tỉnh	45
PHỤ LỤC	53
PHỤ LỤC 1: TRỌNG SỐ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN.....	53
PHỤ LỤC 2: BẢNG XẾP HẠNG CHI TIẾT	54
PHỤ LỤC 3: BẢNG HỎI KHẢO SÁT	61

LỜI MỞ ĐẦU

Báo cáo DDCI năm 2025 là ấn phẩm lần đầu công bố kết quả khảo sát chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập. DDCI 2025 tổng hợp ý kiến của các nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã và các tổ chức kinh tế (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh về chất lượng điều hành và mức độ hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước trong năm 2025.

Trong giai đoạn 2016-2024, xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Khánh Hòa (trước sáp nhập) có sự biến động, với thứ hạng cao nhất là 16 và thấp nhất là 44. Điều này phản ánh môi trường kinh doanh đã có cải thiện nhưng chưa duy trì được tính ổn định.

Kinh nghiệm thực tiễn từ các địa phương như Quảng Ninh, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng cho thấy, việc triển khai DDCI là công cụ hiệu quả trong việc nhận diện hạn chế, đề xuất giải pháp và nâng cao chất lượng điều hành kinh tế. Trên cơ sở đó, DDCI góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao mức độ hài lòng của doanh nghiệp và hướng tới nâng cao thứ hạng PCI một cách bền vững.

Với mục tiêu đảm bảo tính khách quan, minh bạch và phản ánh trung thực ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp, Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố Huế được lựa chọn là đơn vị khảo sát độc lập thực hiện đánh giá và xây dựng báo cáo DDCI tỉnh Khánh Hòa năm 2025.

Để hoàn thành khảo sát, Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố Huế trân trọng cảm ơn sự quan tâm, chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh Khánh Hòa; sự phối hợp của các sở, ban, ngành và địa phương; sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp cùng các ý kiến đóng góp của các chuyên gia. Trong quá trình thực hiện, không tránh khỏi những hạn chế nhất định, Viện rất mong tiếp tục nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp để nâng cao chất lượng khảo sát trong các năm tiếp theo.

Trân trọng./.

Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố Huế
Viện trưởng

Cung Trọng Cường

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BQL	Ban Quản lý
DDCI 2025	Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương thuộc tỉnh Khánh Hòa năm 2025
Doanh nghiệp	Các nhà đầu tư, các công ty, hộ kinh doanh, hợp tác xã
FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
Viện NCPT	Viện Nghiên cứu Phát triển

PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Mục tiêu và ý nghĩa khảo sát DDCI

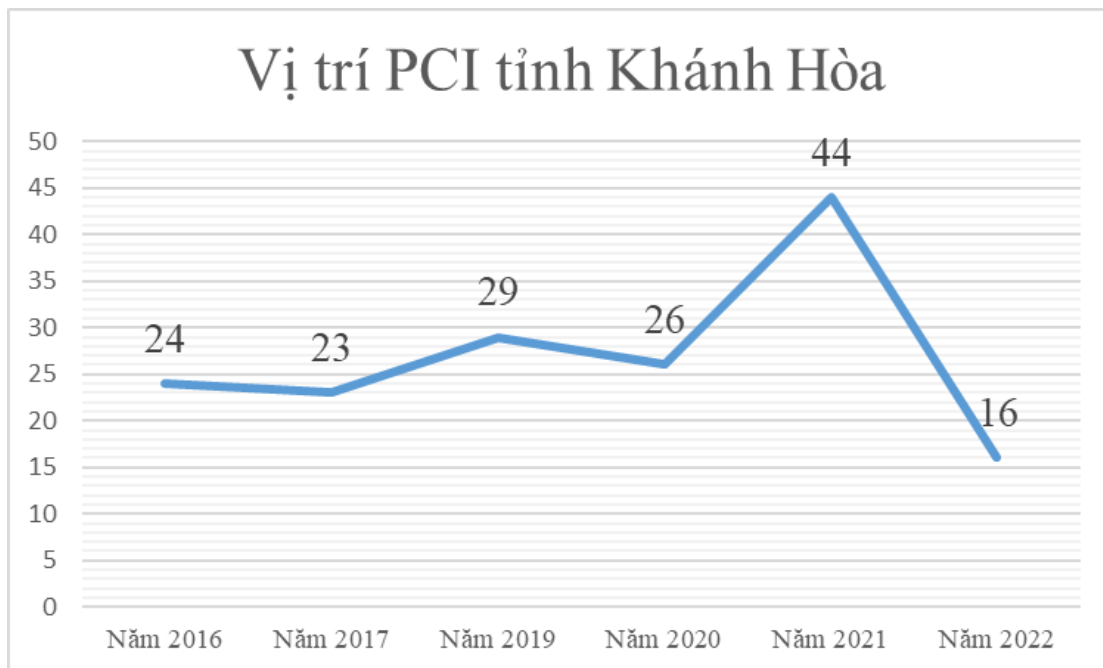
DDCI được triển khai lần đầu tại Việt Nam vào năm 2013 bởi Economica Vietnam phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai. Từ đó đến nay, DDCI đã khẳng định vai trò là công cụ hữu hiệu trong hỗ trợ công tác điều hành kinh tế cấp địa phương, góp phần nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Thực tiễn tại Lào Cai cho thấy việc triển khai DDCI đã giúp địa phương duy trì thứ hạng cao và ổn định trong bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Sau thành công ban đầu, DDCI đã được nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước triển khai như Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Bình Dương và một số địa phương khác.

DDCI trước hết là công cụ thúc đẩy cải cách hành chính thông qua việc đo lường và cải thiện các yếu tố cốt lõi như tính minh bạch, chi phí thời gian, chi phí không chính thức và mức độ cạnh tranh bình đẳng. Đồng thời, nhiều nghiên cứu và thực tiễn đã cho thấy các nhà đầu tư, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), thường lựa chọn địa phương dựa trên các tiêu chí như khả năng tiếp cận thông tin, chất lượng nguồn nhân lực, mức độ hỗ trợ doanh nghiệp và môi trường cạnh tranh công bằng – những nội dung cốt lõi mà DDCI phản ánh.

Tại một số địa phương kiên trì triển khai DDCI trong nhiều năm như Quảng Ninh, Bắc Ninh, Bình Dương, Hải Phòng, công cụ này đã góp phần quan trọng trong cải thiện chất lượng điều hành, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và phát triển kinh tế. Đối với tỉnh Khánh Hòa, việc triển khai DDCI được kỳ vọng sẽ tạo nền tảng đánh giá đầy đủ về cảm nhận và mức độ hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp; qua đó từng bước nâng cao mức độ hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp và cải thiện thứ hạng PCI một cách bền vững.

Kết quả theo dõi cho thấy, trong giai đoạn trước khi triển khai DDCI, thứ hạng PCI của tỉnh Khánh Hòa biến động lớn, thiếu tính ổn định, với mức cao nhất đạt hạng 16 và thấp nhất là hạng 44. Đặc biệt, trong các năm gần đây, PCI của tỉnh chưa duy trì được vị trí trong nhóm dẫn đầu. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu cần có công cụ đánh giá sâu hơn, mang tính định lượng và phản ánh sát thực tiễn hơn. Vì vậy, việc triển khai DDCI là cần thiết nhằm nhận diện rõ các tồn tại, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp, hướng

tới nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh trong thời gian tới.



Biểu đồ 1. Tổng hợp thứ hạng PCI tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2024.

Ghi chú năm 2018 không đánh giá, năm 2023 và 2024 PCI chỉ xếp hạng đến vị trí 30.

Quan điểm của UBND tỉnh Khánh Hòa đối với khảo sát DDCI là giải pháp hiệu quả thúc đẩy năng lực điều hành cấp sở, ban, ngành, và địa phương cụ thể như sau:

- Xem việc khảo sát DDCI là kênh thông tin đáng tin cậy, rộng rãi và minh bạch để doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền địa phương. Từ đó tạo thành điểm nhấn quan trọng trong nỗ lực triển khai cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tư chính quyền và xem đây là công cụ quan trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đề ra các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục những mặt hạn chế, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) một cách bền vững.

- Kết quả của Bộ chỉ số DDCI tiếp tục được dùng làm thước đo để UBND tỉnh đánh giá năng lực điều hành kinh tế của phường/xã, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và chấm điểm thi đua hàng năm.

2. Căn cứ pháp lý và thực tiễn triển khai

Căn cứ Kế hoạch số 2393/KH-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành

và địa phương (DDCI) năm 2025, việc tổ chức khảo sát DDCI được thực hiện nhằm tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, đồng thời tăng cường hiệu quả điều hành kinh tế của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Thông qua kết quả khảo sát, DDCI góp phần tạo chuyển biến tích cực trong công tác cải cách hành chính, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và mức độ hài lòng của doanh nghiệp; qua đó hướng tới cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) theo hướng thực chất và bền vững.

3. Phạm vi, đối tượng khảo sát

- Đối tượng tham gia thực hiện khảo sát: Các nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã đang nghiên cứu, đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Đối tượng được khảo sát, đánh giá: 78 đơn vị sở, ban, ngành và địa phương theo kế hoạch 2393/KH-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 6/02/2026. Chi tiết đối tượng được khảo sát, đánh giá được liệt kê trong phụ lục 1.

4. Phương pháp và quy trình khảo sát

Khảo sát DDCI được thực hiện bằng phương pháp khảo sát bảng hỏi. Nội dung bảng hỏi DDCI 2025 được xây dựng nhằm đạt được mục tiêu đề ra tại kế hoạch 2393/KH-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 6/02/2026.

Quy trình khảo sát gồm bốn bước

1) Xử lý dữ liệu đầu vào gồm: Thu thập thông tin từ dữ liệu doanh nghiệp; sàng lọc dữ liệu đơn vị cung cấp trùng lặp nhiều lần. Dữ liệu đã sàng lọc được mã hóa, và chọn mẫu tự động ngẫu nhiên;

2) Thực hiện khảo sát đánh giá 78 sở, ban, ngành và địa; điều tra viên được đào tạo nội dung khảo sát và thực hiện đúng quy định của tài liệu hướng dẫn khảo sát;

3) Thu hồi phiếu khảo sát, kiểm tra tính hợp lệ đầy đủ thông tin và tiến hành nhập dữ liệu lên website;

4) Xuất kết quả và báo cáo kết quả.

PHẦN II. KẾT QUẢ TỔNG HỢP DDCI NĂM 2025

1. Quy mô và chất lượng dữ liệu khảo sát

Căn cứ cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, đơn vị khảo sát đã lựa chọn đối tượng để tham gia khảo sát DDCI năm 2025. Tổng số phiếu khảo sát phát ra là 2.900 phiếu; tổng số phiếu thu về là 2.538 phiếu, đạt tỷ lệ phản hồi 87,52%. Sau quá trình rà soát, loại bỏ các phiếu không đầy đủ thông tin hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tổng số phiếu hợp lệ được sử dụng để phân tích là 2.500 phiếu.

Một số nguyên nhân khách quan khi số phiếu thu được chưa đồng đều giữa các đơn vị:

Đây là năm đầu tiên khảo sát DDCI sau khi sáp nhập tỉnh, số lượng đơn vị được khảo sát 78 đơn vị. Dữ liệu cung cấp từ phía các sở, ban, ngành và địa phương có đơn vị hơn 1.000 doanh nghiệp, có đơn vị thấp hơn 20 doanh nghiệp (do hồ sơ lưu việc tương tác giữa doanh nghiệp và đơn vị chưa nhiều). Kết quả được trích xuất theo mẫu số chung là 20 doanh nghiệp/đơn vị nên số lượng doanh nghiệp được khảo sát tối thiểu thu được là 20 và cao nhất là 162 doanh nghiệp. Việc xuất dữ liệu của các đơn vị có hơn 20 doanh nghiệp tham gia khảo sát được hệ thống xuất ngẫu nhiên 20 đơn vị (ví dụ đơn vị có 50 doanh nghiệp tham gia khảo sát thì hệ thống tự động xuất ngẫu nhiên 20 trong số 50 doanh nghiệp đó mà không phân biệt các tiêu chí khác).

Trong các năm khảo sát tiếp theo, UBND tỉnh cần yêu cầu các sở, ban, ngành và địa phương được đánh giá cung cấp thông tin các doanh nghiệp có tiếp xúc và quản lý một cách đầy đủ và chính xác để nâng cao chất lượng phiếu khảo sát và rút ngắn thời gian thực hiện.

Về chất lượng dữ liệu, Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố Huế đã thực hiện kiểm tra, đối soát thông tin giữa phiếu khảo sát và dữ liệu nhập trên hệ thống. Tổng số 250 phiếu (tương đương 10% tổng số phiếu) được lựa chọn kiểm tra ngẫu nhiên. Kết quả cho thấy 100% số phiếu được kiểm tra đảm bảo tính trùng khớp, phản ánh độ tin cậy cao của dữ liệu khảo sát.

2. Kết quả xếp hạng tổng thể

- **Nhóm sở, ban, ngành** (14 đơn vị):

Ba đơn vị dẫn đầu gồm:

- (1) Sở Tư pháp: 87,17 điểm;
- (2) Sở Giáo dục và Đào tạo: 86,97 điểm;
- (3) Sở Xây dựng: 84,55 điểm.

- Nhóm địa phương (64 đơn vị):

Ba đơn vị dẫn đầu gồm:

- (1) UBND xã Suối Hiệp: 87,69 điểm;
- (2) UBND xã Công Hải: 87,32 điểm;
- (3) UBND xã Đại Lãnh: 87,23 điểm.

Chi tiết kết quả xếp hạng được trình bày tại Phụ lục 2 của báo cáo.

3. Đánh giá chung toàn tỉnh Khánh Hòa

Kết quả tổng hợp từ khảo sát DDCI năm 2025 và so sánh với Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2020–2024 cho thấy môi trường điều hành kinh tế của tỉnh Khánh Hòa đã có những cải thiện nhất định về điểm số, tuy nhiên mức độ cải thiện chưa thực sự tương xứng với tốc độ phát triển chung của các địa phương khác, dẫn đến thứ hạng PCI của tỉnh vẫn chưa ổn định và chưa duy trì trong nhóm dẫn đầu.

Chỉ tiêu	2024	2023	2022	2021	2020
Gia nhập thị trường	8,10	7,32	7,21	6,77	7,93
Tiếp cận đất đai	6,05	7,07	7,20	6,49	6,97
Tính minh bạch	6,78	6,71	5,55	5,42	5,54
Chi phí thời gian	7,41	8,38	7,99	6,93	8,69
Chi phí không chính thức	6,43	7,02	7,82	7,79	7,42
Cạnh tranh bình đẳng	5,06	5,28	5,77	5,37	8,81
Tính năng động	6,06	6,65	6,59	4,57	5,75
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	8,28	6,49	6,01	6,85	5,41
Đào tạo lao động	6,77	6,04	6,13	6,35	6,31
Thiết chế pháp lý	7,47	6,69	7,63	6,06	5,94
PCI	68,41	67,65	67,74	63,11	63,98

Xét theo các chỉ số thành phần PCI, một số lĩnh vực có kết quả tích cực và duy trì ở mức cao, bao gồm: gia nhập thị trường, chi phí thời gian, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và thiết chế pháp lý. Đây là những yếu tố thể hiện nỗ lực cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh trong thời gian qua.

Bên cạnh đó, một số chỉ số còn hạn chế và có xu hướng giảm, cần tiếp tục được quan tâm cải thiện, gồm: tiếp cận đất đai, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng và chất lượng đào tạo lao động. Những tồn tại này phản ánh các điểm nghẽn trong tiếp cận nguồn lực, tính minh bạch và môi trường cạnh tranh trên địa bàn tỉnh.

Kết quả khảo sát DDCI năm 2025 cho thấy xu hướng tương đồng với PCI, trong đó các chỉ tiêu được đánh giá tích cực tập trung ở tính minh bạch, chi phí thời gian và thiết chế pháp lý. Tuy nhiên, chỉ số cạnh tranh bình đẳng vẫn là điểm yếu chung ở cả hai hệ thống đánh giá. Đồng thời, một số chỉ tiêu như chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và tính năng động có sự chênh lệch giữa DDCI và PCI, phản ánh sự khác biệt giữa cảm nhận thực tế của doanh nghiệp theo từng thời điểm.

STT	Chỉ tiêu	Điểm trung bình của Sở ban ngành	Điểm trung bình của địa phương
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8,33	7,65
2	Tính năng động	8,01	7,54
3	Chi phí thời gian	8,48	7,69
4	Chi phí không chính thức	7,76	6,33
5	Cạnh tranh bình đẳng	6,93	6,57
6	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	6,99	6,17
7	Thiết chế pháp lý	7,20	6,66
8	Vai trò người đứng đầu	8,31	8,24

Tổng hợp các kết quả phân tích cho thấy tỉnh Khánh Hòa đã có nền tảng cải thiện tích cực về chất lượng điều hành, song cần tiếp tục tập trung xử lý các điểm nghẽn mang tính cấu trúc, đặc biệt là trong tiếp cận nguồn lực và đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng. Nếu các giải pháp được triển khai đồng bộ và hiệu quả, chỉ số PCI của tỉnh được kỳ vọng sẽ tiếp tục được cải thiện theo hướng thực chất và bền vững trong thời gian tới.

PHẦN III. PHÂN TÍCH 8 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

1. Điểm và xếp hạng các nhóm chỉ số thành phần

1.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” là một trong 10 chỉ số có mặt trong bộ chỉ số PCI, nhằm đo lường khả năng của doanh nghiệp có thể tiếp cận được các kế hoạch, chính sách, văn bản pháp lý của chính quyền để phục vụ cho công việc kinh doanh. Các câu hỏi khảo sát tập trung đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp trong việc tiếp cận văn bản pháp luật, chính sách ưu đãi, cũng như mức độ công khai thủ tục hành chính. Ngoài ra, cộng đồng doanh nghiệp cũng đánh giá trải nghiệm tiếp cận thông tin qua hệ thống website của đơn vị có dễ dàng không.

Theo đóng góp ý kiến của doanh nghiệp khi xây dựng chỉ số này, doanh nghiệp cho rằng đây là chỉ số quan trọng nên áp dụng trọng số 1,5 cho đối tượng sở ban ngành và 2 cho đối tượng địa phương.

Cộng đồng doanh nghiệp đánh giá mức độ hài lòng đa phần ở mức trên 12 điểm và tương ứng điểm không trọng số trên 8,00, cao nhất là Sở Tư pháp 13,88 điểm. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng lần lượt ở vị trí thứ 2 và thứ 3 với số điểm lần lượt là 13,85 điểm và 13,48 điểm. Nhìn chung, đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp cũng cho thấy rằng việc triển khai chuyển đổi số là cần thiết để phục vụ và hỗ trợ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tốt hơn.

Bảng 5. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin nhóm sở, ban, ngành

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm	Điểm không trọng số
1	Sở Tư pháp	13,88	9,25
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	13,85	9,23
3	Sở Xây dựng	13,48	8,99
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	13,35	8,90
5	Bảo hiểm xã hội tỉnh	12,73	8,49
6	Sở Tài chính	12,42	8,28
7	Sở Công thương	12,29	8,19
8	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	12,01	8,01
9	BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp	12,00	8,00
10	Sở Y tế	12,00	8,00
11	Sở Nội vụ	11,87	7,91
12	Công an tỉnh	11,78	7,85
13	Chi cục Hải quan khu vực XIII	11,65	7,77

14	Sở Khoa học và Công nghệ	11,65	7,77
----	--------------------------	-------	------

Tại nhóm địa phương, sau khi sáp nhập các phường, xã, kết quả cho thấy xu hướng tích cực khi có 21 đơn vị đạt điểm không trọng số trên 8,00. Cụ thể, số điểm cao nhất thuộc về UBND phường Hòa Thắng, đạt 19,63 điểm. Thứ hai là UBND phường Đông Ninh Hòa với 19,53 điểm. Trong top 3 còn có UBND xã Bắc Ninh Hòa với số điểm 19,03 điểm (3 phường, xã có số điểm tuyệt đối trên 19 điểm).

Bảng 6. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin nhóm địa phương

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm	Điểm không trọng số
1	UBND phường Hòa Thắng	19,63	9,82
2	UBND phường Đông Ninh Hòa	19,53	9,77
3	UBND xã Bắc Ninh Hòa	19,03	9,52
4	UBND xã Cam An	18,73	9,37
5	UBND phường Nha Trang	18,47	9,24
6	UBND xã Suối Hiệp	18,43	9,22
7	UBND phường Ninh Hòa	18,23	9,12
8	UBND xã Thuận Bắc	18,17	9,09
9	UBND xã Anh Dũng	17,70	8,85
10	UBND xã Diên Điền	16,93	8,47
11	UBND xã Tân Định	16,90	8,45
12	UBND xã Nam Ninh Hòa	16,70	8,35
13	UBND xã Tây Ninh Hòa	16,70	8,35
14	UBND phường Phan Rang	16,63	8,32
15	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	16,63	8,32
16	UBND xã Khánh Vĩnh	16,53	8,27
17	UBND xã Đại Lãnh	16,40	8,20
18	UBND xã Công Hải	16,17	8,09
19	UBND xã Suối Dầu	16,17	8,09
20	UBND xã Diên Khánh	16,07	8,04
21	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	16,00	8,00

22	UBND phường Đông Hải	15,87	7,94
23	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	15,73	7,87
24	UBND xã Bắc Ái Tây	15,60	7,80
25	UBND xã Hòa Trí	15,50	7,75
26	UBND xã Cam Hiệp	15,40	7,70
27	UBND xã Phước Hữu	15,03	7,52
28	UBND xã Bắc Ái Đông	14,90	7,45
29	UBND xã Tu Bông	14,87	7,44
30	UBND xã Vạn Ninh	14,80	7,40
31	UBND xã Ninh Sơn	14,77	7,39
32	UBND xã Bắc Ái	14,70	7,35
33	UBND xã Đông Khánh Sơn	14,70	7,35
34	UBND phường Ninh Chữ	14,60	7,30
35	UBND xã Diên Lâm	14,60	7,30
36	UBND xã Khánh Sơn	14,60	7,30
37	UBND phường Ba Ngòi	14,50	7,25
38	UBND phường Cam Linh	14,50	7,25
39	UBND phường Nam Nha Trang	14,50	7,25
40	UBND phường Tây Nha Trang	14,50	7,25
41	UBND xã Diên Thọ	14,50	7,25
42	UBND xã Cam Lâm	14,47	7,24
43	UBND xã Mỹ Sơn	14,47	7,24
44	UBND xã Vĩnh Hải	14,43	7,22
45	UBND xã Phước Dinh	14,27	7,14
46	UBND xã Nam Cam Ranh	14,20	7,10
47	UBND xã Thuận Nam	14,20	7,10
48	UBND phường Đô Vinh	14,17	7,09
49	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	14,17	7,09
50	UBND xã Lâm Sơn	14,10	7,05
51	UBND phường Bảo An	13,73	6,87

52	UBND phường Cam Ranh	13,70	6,85
53	UBND phường Bắc Cam Ranh	13,67	6,84
54	UBND xã Cà Ná	13,67	6,84
55	UBND xã Xuân Hải	13,67	6,84
56	UBND phường Bắc Nha Trang	13,60	6,80
57	UBND xã Ninh Phước	13,53	6,77
58	UBND xã Tây Khánh Sơn	13,53	6,77
59	UBND xã Vạn Hưng	13,47	6,74
60	UBND xã Ninh Hải	13,43	6,72
61	UBND xã Diên Lạc	13,13	6,57
62	UBND xã Vạn Thắng	12,93	6,47
63	UBND xã Phước Hậu	12,73	6,37
64	UBND xã Phước Hà	12,07	6,04

Kết quả khảo sát DDCI cũng cho thấy rằng doanh nghiệp chưa thực sự hài lòng với công tác công khai thủ tục, phí và lệ phí liên quan đến thủ tục hành chính. Do vậy, các đơn vị cần áp dụng các biện pháp tăng hiệu quả trong việc công khai thông tin liên quan này trong các năm tiếp theo.

1.2. Tính năng động

Tính năng động là một tiêu chí tạo niềm tin cho doanh nghiệp quyết định tiếp tục đầu tư hoặc lần đầu tiên đầu tư vào địa phương.

Theo đóng góp ý kiến của doanh nghiệp khi xây dựng chỉ số này, doanh nghiệp cho rằng đây là chỉ số quan trọng nên áp dụng trọng số 1,5 cho đối tượng sở ban ngành và 2 cho đối tượng địa phương.

Nội dung câu hỏi phản ánh đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp đối với đơn vị về vai trò cải thiện môi trường kinh doanh địa phương, nắm bắt và xử lý vấn đề doanh nghiệp. Kết quả cho thấy vị trí đứng đầu là BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp đạt 14,01 điểm (tương đương số điểm không trọng số rất cao là 9,34). Đơn vị xếp thứ 2 với số điểm cao 13,85 là Sở Y tế, và Sở Tư pháp xếp thứ 3 đạt 13,65 điểm.

Bảng 7. Tính năng động nhóm sở, ban, ngành

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm	Điểm không trọng số
-----	----------------------	------	---------------------

1	BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp	14,01	9,34
2	Sở Y tế	13,85	9,23
3	Sở Tư pháp	13,65	9,10
4	Sở Xây dựng	13,59	9,06
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	13,52	9,01
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	12,93	8,62
7	Chi cục Hải quan khu vực XIII	12,40	8,27
8	Bảo hiểm xã hội tỉnh	11,40	7,60
9	Công an tỉnh	11,07	7,38
10	Sở Tài chính	11,01	7,34
11	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	10,51	7,01
12	Sở Nội vụ	10,12	6,75
13	Sở Khoa học và Công nghệ	10,08	6,72
14	Sở Công thương	10,08	6,72

Đối với nhóm địa phương, cộng đồng doanh nghiệp thể hiện mức hài lòng tốt đối với UBND phường Đông Ninh Hòa đạt 18,40 điểm. UBND xã Anh Dũng xếp thứ 2 với số điểm không chênh lệch nhiều là 18,27. UBND xã Bắc Ninh Hòa đứng hạng 3 với 18,10 điểm (3 đơn vị có điểm cao nhất trên 18,0 điểm).

Bảng 8. Tính năng động

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm	Điểm không trọng số
1	UBND phường Đông Ninh Hòa	18,40	9,20
2	UBND xã Anh Dũng	18,27	9,14
3	UBND xã Bắc Ninh Hòa	18,10	9,05
4	UBND xã Cam An	17,77	8,89
5	UBND xã Suối Hiệp	17,50	8,75
6	UBND phường Hòa Thắng	17,00	8,50
7	UBND xã Công Hải	16,97	8,49
8	UBND xã Bắc Ái Tây	16,90	8,45
9	UBND xã Lâm Sơn	16,83	8,42

10	UBND xã Đại Lãnh	16,80	8,40
11	UBND phường Phan Rang	16,70	8,35
12	UBND xã Diên Điện	16,60	8,30
13	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	16,60	8,30
14	UBND xã Diên Khánh	16,37	8,19
15	UBND xã Khánh Vĩnh	16,00	8,00
16	UBND phường Nha Trang	15,83	7,92
17	UBND xã Tân Định	15,83	7,92
18	UBND xã Ninh Sơn	15,73	7,87
19	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	15,73	7,87
20	UBND xã Bắc Ái Đông	15,70	7,85
21	UBND xã Mỹ Sơn	15,70	7,85
22	UBND xã Bắc Ái	15,63	7,82
23	UBND xã Nam Ninh Hòa	15,50	7,75
24	UBND xã Tây Ninh Hòa	15,50	7,75
25	UBND phường Đông Hải	15,40	7,70
26	UBND xã Cam Hiệp	15,30	7,65
27	UBND xã Vạn Ninh	15,30	7,65
28	UBND xã Suối Dầu	15,23	7,62
29	UBND xã Tu Bông	15,03	7,52
30	UBND phường Ninh Chữ	15,00	7,50
31	UBND xã Nam Cam Ranh	14,97	7,49
32	UBND phường Nam Nha Trang	14,73	7,37
33	UBND xã Diên Lâm	14,73	7,37
34	UBND xã Hòa Trí	14,73	7,37
35	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	14,70	7,35
36	UBND phường Tây Nha Trang	14,63	7,32
37	UBND xã Diên Lạc	14,53	7,27
38	UBND phường Ba Ngòi	14,50	7,25
39	UBND phường Cam Linh	14,50	7,25

40	UBND xã Vĩnh Hải	14,50	7,25
41	UBND xã Đông Khánh Sơn	14,47	7,24
42	UBND xã Thuận Bắc	14,47	7,24
43	UBND phường Đô Vinh	14,37	7,19
44	UBND xã Tây Khánh Sơn	14,33	7,17
45	UBND xã Xuân Hải	14,33	7,17
46	UBND xã Ninh Phước	14,27	7,14
47	UBND phường Bảo An	14,10	7,05
48	UBND phường Bắc Cam Ranh	14,10	7,05
49	UBND phường Cam Ranh	14,10	7,05
50	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	14,07	7,04
51	UBND xã Diên Thọ	14,03	7,02
52	UBND xã Phước Dinh	14,03	7,02
53	UBND xã Phước Hữu	14,00	7,00
54	UBND phường Ninh Hòa	13,87	6,94
55	UBND xã Cam Lâm	13,83	6,92
56	UBND xã Ninh Hải	13,83	6,92
57	UBND xã Thuận Nam	13,73	6,87
58	UBND xã Vạn Hưng	13,70	6,85
59	UBND xã Vạn Thắng	13,67	6,84
60	UBND xã Khánh Sơn	13,00	6,50
61	UBND phường Bắc Nha Trang	12,97	6,49
62	UBND xã Phước Hà	12,40	6,20
63	UBND xã Phước Hậu	11,70	5,85
64	UBND xã Cà Ná	11,57	5,79

Trong thời gian đến, các sở, ban, ngành và địa phương cần tiếp tục chủ động tham mưu UBND tỉnh các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và tăng cường nắm bắt thông tin nhằm giải quyết các vấn đề cho doanh nghiệp hiệu quả hơn. Ngoài ra, vai trò của người đứng đầu thể hiện sự chủ động, sáng tạo và sâu sát của lãnh đạo các phòng ban, lãnh đạo đơn vị.

1.3. Chi phí thời gian

Chi phí thời gian thể hiện quy trình thực hiện thủ tục hành chính, cấp giấy phép, các quy định về đăng ký kinh doanh. Nội dung câu hỏi đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra của đơn vị được đánh giá; thời gian ghi nhận và xử lý các vấn đề của doanh nghiệp.

Đối với nhóm sở, ban, ngành có kết quả đồng đều và rất cao, hầu hết trên 8 điểm. Trong đó, Sở Công thương cùng Sở Giáo dục và Đào tạo đạt mức rất cao là 9,19 và 9,13, lần lượt xếp thứ 1 và thứ 2. Sở Tư pháp đứng thứ 3 với điểm số sát sao là 9,12 điểm.

Bảng 9. Chi phí thời gian nhóm sở, ban, ngành

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	Sở Công thương	9,19
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	9,13
3	Sở Tư pháp	9,12
4	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	9,11
5	Sở Xây dựng	9,10
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	8,93
7	Sở Y tế	8,37
8	Bảo hiểm xã hội tỉnh	8,34
9	BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp	8,16
10	Công an tỉnh	8,02
11	Sở Nội vụ	8,01
12	Sở Tài chính	7,92
13	Sở Khoa học và Công nghệ	7,70
14	Chi cục Hải quan khu vực XIII	7,66

Tại nhóm địa phương, UBND phường Đông Ninh Hòa cũng được doanh nghiệp đánh giá hài lòng cao với 9,23 điểm. Hai đơn vị còn lại trong top 3 là UBND xã Bắc Ninh Hòa 9,10 điểm và UBND xã Thuận Bắc 9,00 điểm.

Bảng 10. Chi phí thời gian nhóm địa phương

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	UBND phường Đông Ninh Hòa	9,23
2	UBND xã Bắc Ninh Hòa	9,10
3	UBND xã Thuận Bắc	9,00
4	UBND xã Cam An	8,83
5	UBND xã Suối Hiệp	8,83
6	UBND xã Anh Dũng	8,78
7	UBND phường Ninh Hòa	8,63
8	UBND xã Cam Hiệp	8,53
9	UBND xã Xuân Hải	8,52
10	UBND phường Nha Trang	8,40
11	UBND phường Nam Nha Trang	8,25
12	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	8,20
13	UBND xã Diên Khánh	8,13
14	UBND xã Công Hải	8,10
15	UBND xã Suối Dầu	8,02
16	UBND xã Đại Lãnh	8,00
17	UBND xã Ninh Hải	7,92
18	UBND xã Ninh Sơn	7,90
19	UBND xã Bắc Ái Tây	7,88
20	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	7,82
21	UBND phường Đông Hải	7,78
22	UBND xã Diên Lâm	7,78
23	UBND xã Lâm Sơn	7,78
24	UBND phường Tây Nha Trang	7,75
25	UBND phường Cam Ranh	7,70
26	UBND xã Mỹ Sơn	7,70
27	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	7,67
28	UBND xã Bắc Ái Đông	7,65

29	UBND xã Bắc Ái	7,63
30	UBND xã Hòa Trí	7,63
31	UBND xã Khánh Sơn	7,63
32	UBND phường Ninh Chữ	7,60
33	UBND xã Phước Dinh	7,58
34	UBND xã Tây Khánh Sơn	7,58
35	UBND phường Phan Rang	7,57
36	UBND xã Nam Ninh Hòa	7,55
37	UBND xã Tây Ninh Hòa	7,55
38	UBND xã Diên Điền	7,53
39	UBND xã Đông Khánh Sơn	7,52
40	UBND xã Diên Lạc	7,50
41	UBND xã Khánh Vĩnh	7,48
42	UBND xã Vĩnh Hải	7,45
43	UBND xã Vạn Ninh	7,43
44	UBND xã Vạn Thắng	7,43
45	UBND phường Bắc Nha Trang	7,40
46	UBND xã Tu Bông	7,40
47	UBND xã Tân Định	7,32
48	UBND phường Ba Ngòi	7,25
49	UBND phường Cam Linh	7,25
50	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	7,25
51	UBND xã Diên Thọ	7,17
52	UBND xã Phước Hữu	7,15
53	UBND xã Phước Hậu	7,15
54	UBND phường Bảo An	7,12
55	UBND phường Bắc Cam Ranh	7,12
56	UBND xã Cam Lâm	7,12
57	UBND xã Vạn Hưng	7,12
58	UBND xã Thuận Nam	7,00

59	UBND phường Đô Vinh	6,97
60	UBND xã Ninh Phước	6,93
61	UBND xã Phước Hà	6,85
62	UBND xã Cà Ná	6,68
63	UBND phường Hòa Thắng	6,67
64	UBND xã Nam Cam Ranh	6,53

Nhìn chung, khảo sát DDCI 2025 phản ánh ý kiến đồng thuận của doanh nghiệp đánh giá cao cải thiện về mặt thời gian hoàn tất thủ tục để doanh nghiệp đi vào hoạt động, giúp doanh nghiệp tận dụng được cơ hội kinh doanh kịp thời và số điểm chênh lệch không quá nhiều giữa các đơn vị được đánh giá. Doanh nghiệp mong muốn trong thời gian tới các đơn vị tiếp tục duy trì cải tiến về thủ tục hành chính, thực hiện quy trình thanh kiểm tra phù hợp với quy định và gửi thông báo để doanh nghiệp chủ động về mặt thời gian, không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

1.4. Chi phí không chính thức

Mặc dù các doanh nghiệp vẫn đánh giá chỉ số thành phần chi phí không chính thức ở mức cao nhưng không đồng đều ở các đơn vị được khảo sát, hiện tượng những nhiều và chi phí không chính thức dù đã cải thiện đáng kể nhưng vẫn còn gây phiền hà cho doanh nghiệp.

Trong nhóm sở, ban, ngành, cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận 3 đơn vị có nhiều cải thiện trong công tác giảm sự nhũng nhiễu và giảm chi phí không chính thức là Sở Tư pháp với 9,72 điểm, Sở Xây dựng 9,11 điểm và Sở Giáo dục và Đào tạo 9,07 điểm. Xếp mức tốt trên 8,0 điểm ngoài top 3 còn có Sở Nông nghiệp và Môi trường, BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp và Sở Y tế.

Bảng 11. Chi phí không chính thức nhóm sở, ban, ngành

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	Sở Tư pháp	9,72
2	Sở Xây dựng	9,11
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	9,07
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	9,00
5	BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp	8,66

6	Sở Y tế	8,66
7	Sở Công thương	7,66
8	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	7,50
9	Công an tỉnh	7,03
10	Sở Tài chính	6,94
11	Bảo hiểm xã hội tỉnh	6,49
12	Sở Nội vụ	6,45
13	Sở Khoa học và Công nghệ	6,31
14	Chi cục Hải quan khu vực XIII	5,99

Nhóm địa phương ghi nhận UBND xã Công Hải đứng nhất với số điểm khá cao là 9,91 (gần như tuyệt đối). UBND xã Đại Lãnh xếp thứ 2 ở mức 9,82 điểm. Xếp thứ 3 là UBND xã Diên Điền với 8,91 điểm.

Bảng 12. Bảng xếp hạng Chi phí không chính thức nhóm địa phương

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	UBND xã Công Hải	9,91
2	UBND xã Đại Lãnh	9,82
3	UBND xã Diên Điền	8,91
4	UBND xã Suối Hiệp	8,81
5	UBND xã Thuận Bắc	8,74
6	UBND xã Anh Dũng	8,08
7	UBND phường Nam Nha Trang	7,66
8	UBND phường Tây Nha Trang	7,51
9	UBND phường Đô Vinh	7,20
10	UBND xã Cam An	7,15
11	UBND xã Vĩnh Hải	6,97
12	UBND xã Mỹ Sơn	6,89
13	UBND xã Đông Khánh Sơn	6,74
14	UBND xã Tây Khánh Sơn	6,62
15	UBND xã Bắc Ninh Hòa	6,58
16	UBND xã Cam Lâm	6,58

17	UBND xã Diên Lâm	6,58
18	UBND xã Bắc Ái Đông	6,47
19	UBND xã Khánh Sơn	6,47
20	UBND phường Bảo An	6,38
21	UBND phường Ninh Chữ	6,30
22	UBND xã Bắc Ái	6,27
23	UBND phường Đông Hải	6,24
24	UBND xã Vạn Hưng	6,18
25	UBND phường Ninh Hòa	6,17
26	UBND xã Xuân Hải	6,17
27	UBND xã Tu Bông	6,15
28	UBND phường Cam Ranh	6,13
29	UBND xã Ninh Hải	6,10
30	UBND xã Khánh Vĩnh	6,07
31	UBND xã Suối Dầu	6,04
32	UBND xã Thuận Nam	6,02
33	UBND phường Ba Ngòi	6,00
34	UBND phường Cam Linh	6,00
35	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	6,00
36	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	5,98
37	UBND phường Nha Trang	5,94
38	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	5,94
39	UBND phường Phan Rang	5,91
40	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	5,91
41	UBND xã Diên Thọ	5,89
42	UBND xã Nam Cam Ranh	5,89
43	UBND xã Ninh Sơn	5,89
44	UBND phường Hòa Thắng	5,88
45	UBND xã Phước Dinh	5,87
46	UBND xã Diên Lạc	5,84

47	UBND xã Vạn Thắng	5,82
48	UBND xã Cam Hiệp	5,70
49	UBND xã Phước Hà	5,62
50	UBND phường Đông Ninh Hòa	5,61
51	UBND phường Bắc Cam Ranh	5,57
52	UBND xã Ninh Phước	5,56
53	UBND xã Cà Ná	5,55
54	UBND xã Phước Hậu	5,55
55	UBND xã Bắc Ái Tây	5,53
56	UBND xã Phước Hữu	5,53
57	UBND xã Lâm Sơn	5,47
58	UBND xã Diên Khánh	5,38
59	UBND xã Vạn Ninh	5,33
60	UBND phường Bắc Nha Trang	5,28
61	UBND xã Hòa Trí	5,25
62	UBND xã Nam Ninh Hòa	5,25
63	UBND xã Tân Định	5,25
64	UBND xã Tây Ninh Hòa	5,25

Dựa vào kết quả khảo sát trực tiếp DDCI 2025 về chi phí không chính thức, cho thấy “bức tranh” tích cực là chi phí không chính thức đã giảm trong năm 2025. Một số doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức vẫn tồn tại và có thể ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc, tuy nhiên xu hướng này đã giảm so với trước. Tuy nhiên, mức độ những nhiễu, doanh nghiệp vẫn phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi vẫn còn tồn tại, cần được khắc phục trong các năm tiếp theo.

1.5. Cạnh tranh bình đẳng

Nội dung tiêu chí Cạnh tranh bình đẳng thể hiện đánh giá của doanh nghiệp về sự bất bình đẳng giữa doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương.

Hiện nay quan điểm của Chính phủ kêu gọi tạo sự bình đẳng trong sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, thực tế cho thấy của doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp lớn vẫn đóng vai trò quan trọng thúc đẩy

phát triển nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vệ tinh phát triển. Do đó, trong các năm tới, hệ thống đánh giá DDCI và đơn vị được đánh giá tiếp tục nghiên cứu đưa ra giải pháp hài hòa lợi ích của các loại hình doanh nghiệp.

Khảo sát sâu cho thấy cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cạnh tranh bình đẳng ở mức hài lòng khá. Doanh nghiệp cho rằng vẫn còn hiện tượng đối xử chưa được bình đẳng giữa doanh nghiệp lớn và nhỏ. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng đối với hoạt động của doanh nghiệp là không rõ ràng và các đơn vị cũng có cải thiện trong các cam kết công khai về phục vụ bình đẳng các doanh nghiệp.

Về xếp hạng chỉ số cạnh tranh bình đẳng năm 2025 ở nhóm sở, ban, ngành, dẫn đầu là Sở Tư pháp với 8,27 điểm; Sở Giáo dục và Đào tạo xếp thứ 2 với số điểm là 8,04 điểm; Bám sát số điểm này với 8,01 điểm đã giúp Sở Nông nghiệp và Môi trường về vị trí thứ 3 của bảng xếp hạng.

Bảng 13. Cạnh tranh bình đẳng nhóm sở, ban, ngành

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	Sở Tư pháp	8,27
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	8,04
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	8,01
4	Sở Xây dựng	7,71
5	Sở Nội vụ	7,34
6	BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp	7,33
7	Sở Y tế	7,33
8	Sở Tài chính	7,00
9	Sở Khoa học và Công nghệ	6,59
10	Công an tỉnh	6,53
11	Chi cục Hải quan khu vực XIII	6,49
12	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	5,63
13	Sở Công thương	5,45
14	Bảo hiểm xã hội tỉnh	5,23

Với chỉ số bày ở nhóm địa phương năm 2025, có sự chênh lệch khá lớn giữa các đơn vị xếp hạng. Trong đó, đứng đầu là UBND phường Tây Nha Trang với 9,10 điểm;

thứ hai là UBND xã Diên Điền với 9,05 điểm; UBND xã Suối Hiệp xếp thứ 3, tương ứng với số điểm là 8,44.

Bảng 14. Cuộc tranh bình đẳng nhóm địa phương

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	UBND phường Tây Nha Trang	9,10
2	UBND xã Diên Điền	9,05
3	UBND xã Suối Hiệp	8,44
4	UBND phường Nam Nha Trang	8,41
5	UBND xã Công Hải	8,41
6	UBND xã Đại Lãnh	8,41
7	UBND xã Thuận Bắc	8,20
8	UBND xã Bắc Ái Đông	8,08
9	UBND xã Anh Dũng	7,96
10	UBND xã Cam Hiệp	7,96
11	UBND xã Bắc Ái	7,86
12	UBND xã Suối Dầu	7,76
13	UBND xã Cam An	7,66
14	UBND xã Mỹ Sơn	7,42
15	UBND phường Bảo An	7,35
16	UBND phường Ba Ngòi	7,34
17	UBND phường Cam Linh	7,34
18	UBND phường Đô Vinh	7,30
19	UBND xã Bắc Ái Tây	7,29
20	UBND xã Ninh Sơn	7,14
21	UBND xã Tây Khánh Sơn	7,10
22	UBND phường Bắc Cam Ranh	7,08
23	UBND xã Tu Bông	6,86
24	UBND xã Phước Hữu	6,82
25	UBND xã Khánh Vĩnh	6,72
26	UBND xã Vạn Hưng	6,70

27	UBND phường Đông Hải	6,69
28	UBND xã Xuân Hải	6,68
29	UBND phường Cam Ranh	6,64
30	UBND xã Phước Dinh	6,62
31	UBND xã Nam Cam Ranh	6,58
32	UBND phường Bắc Nha Trang	6,53
33	UBND xã Lâm Sơn	6,51
34	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	6,42
35	UBND xã Diên Thọ	6,37
36	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	6,34
37	UBND xã Vạn Ninh	6,34
38	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	6,31
39	UBND xã Vĩnh Hải	6,15
40	UBND xã Ninh Phước	6,08
41	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	6,07
42	UBND xã Vạn Thắng	6,00
43	UBND xã Diên Lạc	5,98
44	UBND xã Khánh Sơn	5,95
45	UBND phường Ninh Chữ	5,83
46	UBND xã Cam Lâm	5,81
47	UBND phường Phan Rang	5,79
48	UBND xã Diên Lâm	5,79
49	UBND phường Ninh Hòa	5,74
50	UBND xã Ninh Hải	5,73
51	UBND phường Hòa Thắng	5,67
52	UBND xã Diên Khánh	5,48
53	UBND xã Phước Hà	5,48
54	UBND xã Đông Khánh Sơn	5,42
55	UBND xã Thuận Nam	5,34
56	UBND xã Phước Hậu	5,27

57	UBND xã Cà Ná	5,25
58	UBND xã Hòa Trí	5,25
59	UBND xã Nam Ninh Hòa	5,25
60	UBND xã Tân Định	5,25
61	UBND xã Tây Ninh Hòa	5,25
62	UBND phường Nha Trang	5,03
63	UBND xã Bắc Ninh Hòa	4,44
64	UBND phường Đông Ninh Hòa	3,41

1.6. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Nội dung đánh giá chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bao gồm doanh nghiệp từng được thụ hưởng lợi ích từ chương trình hỗ trợ, thủ tục được tham gia có dễ dàng và vấn đề doanh nghiệp được hỗ trợ giải quyết thỏa đáng không.

Đối với chỉ số này, doanh nghiệp cho ý kiến về mức độ quan trọng rất cao đối với đối tượng sở, ban, ngành nên trọng số đánh giá là 2. Trong khi đối tượng địa phương vẫn giữ trọng số đánh giá là 1.

Kết quả khảo sát chỉ số DDCI 2025 cho thấy giữa các đơn vị có sự chênh lệch lớn. Chỉ có Sở Giáo dục và Đào tạo đạt trên mức 16 điểm là 16,06, đứng vị trí thứ 1. Hai sở tiếp theo là Sở Tư pháp với 15,82 điểm và Sở Xây dựng 15,47 điểm. Cũng ở số điểm trên 15 là Sở Nông nghiệp và Môi trường xếp vị trí thứ 4 với số điểm là 15,24.

Bảng 15. Hỗ trợ doanh nghiệp nhóm sở, ban, ngành

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm	Điểm không trọng số
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	16,06	8,03
2	Sở Tư pháp	15,82	7,91
3	Sở Xây dựng	15,47	7,74
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	15,24	7,62
5	Sở Tài chính	14,29	7,15
6	Bảo hiểm xã hội tỉnh	14,12	7,06
7	Công an tỉnh	13,76	6,88
8	Chi cục Hải quan khu vực XIII	13,12	6,56
9	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	13,02	6,51

10	BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp	13,00	6,50
11	Sở Nội vụ	13,00	6,50
12	Sở Y tế	13,00	6,50
13	Sở Công thương	13,00	6,50
14	Sở Khoa học và Công nghệ	12,76	6,38

Tại nhóm địa phương, 3 đơn vị dẫn đầu từ mức 8,0 điểm trở lên là UBND phường Đông Ninh Hòa đứng nhất với 9,23 điểm. UBND xã Bắc Ninh Hòa xếp thứ 2 với 9,10 điểm và UBND xã Đại Lãnh đạt 8,00 điểm.

Bảng 16. Hỗ trợ doanh nghiệp nhóm địa phương

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	UBND phường Đông Ninh Hòa	9,23
2	UBND xã Bắc Ninh Hòa	9,10
3	UBND xã Đại Lãnh	8,00
4	UBND xã Công Hải	7,97
5	UBND xã Diên Điện	7,38
6	UBND xã Suối Dầu	7,37
7	UBND xã Cam An	7,35
8	UBND xã Hòa Trí	7,35
9	UBND phường Đô Vinh	7,27
10	UBND phường Phan Rang	7,27
11	UBND xã Cam Hiệp	7,17
12	UBND phường Nha Trang	7,12
13	UBND phường Bảo An	7,02
14	UBND xã Suối Hiệp	7,02
15	UBND phường Cam Ranh	6,93
16	UBND xã Diên Khánh	6,88
17	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	6,88
18	UBND xã Nam Ninh Hòa	6,80
19	UBND phường Ninh Hòa	6,77

20	UBND xã Tây Ninh Hòa	6,75
21	UBND xã Khánh Vĩnh	6,72
22	UBND xã Diên Lâm	6,58
23	UBND phường Bắc Cam Ranh	6,55
24	UBND xã Phước Hữu	6,53
25	UBND xã Nam Cam Ranh	6,52
26	UBND xã Tu Bông	6,48
27	UBND xã Vạn Ninh	6,42
28	UBND xã Tân Định	6,40
29	UBND xã Phước Dinh	6,38
30	UBND phường Ba Ngòi	6,25
31	UBND phường Cam Linh	6,25
32	UBND xã Anh Dũng	6,23
33	UBND xã Mỹ Sơn	6,22
34	UBND xã Vạn Hưng	6,05
35	UBND xã Bắc Ái	5,93
36	UBND xã Bắc Ái Đông	5,82
37	UBND xã Bắc Ái Tây	5,82
38	UBND xã Ninh Sơn	5,78
39	UBND xã Lâm Sơn	5,72
40	UBND xã Thuận Bắc	5,67
41	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	5,58
42	UBND xã Cam Lâm	5,52
43	UBND xã Ninh Phước	5,52
44	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	5,48
45	UBND phường Nam Nha Trang	5,47
46	UBND xã Vạn Thắng	5,47
47	UBND phường Ninh Chữ	5,45
48	UBND phường Hòa Thắng	5,40
49	UBND phường Tây Nha Trang	5,40

50	UBND phường Bắc Nha Trang	5,35
51	UBND phường Đông Hải	5,32
52	UBND xã Đông Khánh Sơn	5,20
53	UBND xã Khánh Sơn	5,17
54	UBND xã Diên Thọ	5,15
55	UBND xã Phước Hà	5,10
56	UBND xã Tây Khánh Sơn	5,10
57	UBND xã Cà Ná	5,05
58	UBND xã Xuân Hải	5,05
59	UBND xã Diên Lạc	5,00
60	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	4,72
61	UBND xã Vĩnh Hải	4,70
62	UBND xã Thuận Nam	4,68
63	UBND xã Ninh Hải	4,50
64	UBND xã Phước Hậu	3,65

Chỉ số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vẫn là một chỉ số khó cải thiện của nhiều địa phương. DDCI Khánh Hòa đã cho thấy kết quả vẫn là tích cực khi so sánh mặt bằng chung cả nước. Đa phần doanh nghiệp tham gia khảo sát được thụ hưởng chính sách hỗ trợ của các đơn vị và có hiệu quả. Tuy nhiên, tỉ lệ doanh nghiệp cho rằng thủ tục đăng ký dễ dàng ở mức rất thấp. Do đó, các đơn vị cần nghiên cứu lại quy trình đăng ký thuận lợi hơn cho doanh nghiệp năm tiếp theo.

1.7. Thiết chế pháp lý

Đối với sở, ban, ngành các câu hỏi thiết chế pháp lý liên quan đến sự hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp đối với hoạt động triển khai văn bản pháp luật của đơn vị được khảo sát, và có phát sinh khiếu nại giữa doanh nghiệp và đơn vị được khảo sát trong năm vừa qua không.

Kết quả cho thấy 14 đơn vị sở, ban, ngành nhận được đánh giá tương đối tích cực từ cộng đồng doanh nghiệp với số điểm từ 6,51 đến 7,90. Đứng đầu là Sở Tài chính với 7,90 điểm. Vị trí thứ hai thuộc về Chi cục Hải quan khu vực XIII và Bảo hiểm xã hội tỉnh cùng với số điểm là 7,81. Sở Khoa học và Công nghệ xếp thứ 3 với chênh lệch 0,24 điểm.

Bảng 17. Thiết chế pháp lý nhóm sở, ban, ngành

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	Sở Tài chính	7,90
2	Chi cục Hải quan khu vực XIII	7,81
3	Bảo hiểm xã hội tỉnh	7,81
4	Sở Khoa học và Công nghệ	7,57
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	7,41
6	Sở Nội vụ	7,31
7	Sở Tư pháp	7,06
8	Sở Xây dựng	7,06
9	Công an tỉnh	6,93
10	Sở Công thương	6,93
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	6,90
12	BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp	6,82
13	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	6,71
14	Sở Y tế	6,51

Đối với nhóm địa phương, các câu hỏi thiết chế pháp lý được chọn lựa từ bảng hỏi PCI 2024 để làm rõ một số vấn đề về tình hình an ninh trật tự trên địa bàn như: tình trạng trộm cắp, xử lý thu hồi tài sản trộm cắp và các loại chi phí bảo kê cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chỉ số về an toàn và an ninh ảnh hưởng đến môi trường sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và thu hút du lịch nên được sự quan tâm của cộng đồng doanh nghiệp.

Từ kết quả khảo sát, UBND xã Công Hải đứng nhất với số điểm tuyệt đối 10,00. UBND xã Đại Lãnh xếp thứ 2 đạt 9,80 điểm. Hạng 3 là UBND xã Thuận Bắc với 9,06 điểm. Tuy nhiên, điểm giữa các đơn vị có sự chênh lệch khá nhiều (đa số ở mức 5 – 6 điểm). Điều đó cho thấy doanh nghiệp vẫn chưa hài lòng với tình hình an ninh trật tự tại địa bàn.

Bảng 18. Thiết chế pháp lý nhóm địa phương

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	UBND xã Công Hải	10,00

2	UBND xã Đại Lãnh	9,80
3	UBND xã Thuận Bắc	9,60
4	UBND xã Suối Hiệp	9,07
5	UBND xã Diên Điền	8,97
6	UBND xã Anh Dũng	8,53
7	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	7,33
8	UBND xã Vĩnh Hải	7,33
9	UBND xã Mỹ Sơn	7,30
10	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	7,27
11	UBND phường Đông Hải	7,23
12	UBND phường Đô Vinh	7,10
13	UBND phường Ninh Chữ	7,10
14	UBND xã Tây Khánh Sơn	7,10
15	UBND xã Bắc Ninh Hòa	7,07
16	UBND xã Khánh Vĩnh	7,07
17	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	7,07
18	UBND xã Cam An	7,00
19	UBND xã Thuận Nam	7,00
20	UBND xã Diên Lâm	6,97
21	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	6,93
22	UBND xã Đông Khánh Sơn	6,87
23	UBND xã Ninh Hải	6,80
24	UBND xã Phước Hà	6,73
25	UBND xã Xuân Hải	6,73
26	UBND xã Diên Thọ	6,70
27	UBND xã Diên Lạc	6,67
28	UBND phường Bảo An	6,57
29	UBND phường Hòa Thắng	6,53
30	UBND xã Cam Lâm	6,50
31	UBND xã Cà Ná	6,50

32	UBND xã Bắc Ái Đông	6,43
33	UBND xã Vạn Ninh	6,40
34	UBND xã Bắc Ái Tây	6,37
35	UBND phường Ninh Hòa	6,33
36	UBND xã Bắc Ái	6,33
37	UBND xã Khánh Sơn	6,23
38	UBND xã Lâm Sơn	6,23
39	UBND xã Suối Dầu	6,17
40	UBND xã Cam Hiệp	6,10
41	UBND phường Nha Trang	6,07
42	UBND xã Tân Định	6,07
43	UBND phường Đông Ninh Hòa	6,03
44	UBND phường Ba Ngòi	6,00
45	UBND phường Cam Linh	6,00
46	UBND phường Nam Nha Trang	6,00
47	UBND phường Tây Nha Trang	6,00
48	UBND xã Phước Hữu	6,00
49	UBND xã Nam Ninh Hòa	6,00
50	UBND xã Ninh Phước	6,00
51	UBND xã Tây Ninh Hòa	6,00
52	UBND phường Cam Ranh	5,97
53	UBND xã Ninh Sơn	5,97
54	UBND phường Phan Rang	5,93
55	UBND xã Hòa Trí	5,93
56	UBND xã Phước Hậu	5,93
57	UBND xã Tu Bông	5,93
58	UBND xã Nam Cam Ranh	5,80
59	UBND phường Bắc Nha Trang	5,60
60	UBND xã Vạn Hưng	5,60
61	UBND xã Diên Khánh	5,57

62	UBND xã Phước Dinh	5,57
63	UBND xã Vạn Thắng	5,40
64	UBND phường Bắc Cam Ranh	5,07

1.8. Vai trò người đứng đầu

Nội dung bảng hỏi vai trò người đứng đầu nhằm mục tiêu khảo sát mức độ hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp đối với lãnh đạo đơn vị được khảo sát về đối ngoại lẫn đối nội. Lãnh đạo đơn vị có lắng nghe, tiếp thu phản ánh của doanh nghiệp không; lãnh đạo đơn vị có xây dựng được văn hóa ứng xử và có biện pháp cải thiện văn hóa ứng xử của cấp dưới không.

Đối với nhóm sở, ban, ngành, cộng đồng doanh nghiệp thể hiện mức độ hài lòng tương đối tốt với số điểm dao động chủ yếu từ 8,00 đến 9,88. Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo được đánh giá cao nhất với 9,88 điểm. Tiếp theo là Sở Tư pháp với 9,65 điểm và Sở Xây dựng đạt 9,03 điểm.

Bảng 19. Vai trò người đứng đầu nhóm sở, ban, ngành

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	9,88
2	Sở Tư pháp	9,65
3	Sở Xây dựng	9,03
4	Chi cục Hải quan khu vực XIII	9,00
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	8,91
6	Bảo hiểm xã hội tỉnh	8,79
7	Sở Tài chính	8,44
8	Công an tỉnh	8,38
9	BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp	8,00
10	Sở Nội vụ	8,00
11	Sở Y tế	8,00
12	Sở Khoa học và Công nghệ	8,00
13	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	6,17
14	Sở Công thương	6,12

Đối với nhóm địa phương cộng đồng doanh nghiệp cũng dành sự hài lòng cao nhất cho UBND xã Bắc Ninh Hòa với số điểm tuyệt đối là 10,00. Xếp thứ 2 là UBND xã Đại Lãnh đạt 9,87 điểm. Thấp hơn 0,07, đứng hạng 3 là UBND xã Cam An.

Bảng 20. Vai trò người đứng đầu nhóm địa phương

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	UBND xã Bắc Ninh Hòa	10,00
2	UBND xã Đại Lãnh	9,87
3	UBND xã Cam An	9,80
4	UBND xã Công Hải	9,80
5	UBND phường Đông Ninh Hòa	9,73
6	UBND phường Hòa Thắng	9,73
7	UBND xã Suối Hiệp	9,60
8	UBND xã Anh Dũng	9,30
9	UBND xã Bắc Ái Tây	9,07
10	UBND xã Tân Định	9,07
11	UBND phường Ninh Hòa	9,00
12	UBND phường Nha Trang	8,93
13	UBND xã Mỹ Sơn	8,93
14	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	8,93
15	UBND xã Lâm Sơn	8,87
16	UBND xã Bắc Ái	8,80
17	UBND xã Diên Điền	8,80
18	UBND xã Tây Ninh Hòa	8,80
19	UBND xã Ninh Sơn	8,67
20	UBND xã Bắc Ái Đông	8,60
21	UBND phường Phan Rang	8,53
22	UBND xã Nam Ninh Hòa	8,53
23	UBND xã Diên Khánh	8,47
24	UBND xã Đông Khánh Sơn	8,40
25	UBND xã Hòa Trí	8,40

26	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	8,40
27	UBND xã Khánh Sơn	8,20
28	UBND xã Suối Dầu	8,20
29	UBND xã Thuận Bắc	8,20
30	UBND xã Diên Lâm	8,17
31	UBND phường Cam Ranh	8,13
32	UBND xã Vĩnh Hải	8,10
33	UBND xã Diên Thọ	8,03
34	UBND xã Phước Hữu	8,03
35	UBND xã Khánh Vĩnh	8,03
36	UBND phường Ba Ngòi	8,00
37	UBND phường Cam Linh	8,00
38	UBND phường Nam Nha Trang	8,00
39	UBND xã Diên Lạc	8,00
40	UBND xã Vạn Thắng	8,00
41	UBND xã Xuân Hải	8,00
42	UBND xã Cam Lâm	7,97
43	UBND xã Ninh Hải	7,97
44	UBND phường Bảo An	7,93
45	UBND phường Đô Vinh	7,93
46	UBND xã Cam Hiệp	7,93
47	UBND phường Ninh Chữ	7,90
48	UBND xã Tu Bông	7,87
49	UBND xã Phước Dinh	7,80
50	UBND xã Vạn Ninh	7,80
51	UBND xã Vạn Hưng	7,77
52	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	7,73
53	UBND xã Nam Cam Ranh	7,73
54	UBND xã Ninh Phước	7,60
55	UBND xã Tây Khánh Sơn	7,60

56	UBND phường Bắc Cam Ranh	7,47
57	UBND phường Đông Hải	7,47
58	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	7,33
59	UBND phường Bắc Nha Trang	6,80
60	UBND xã Thuận Nam	6,73
61	UBND phường Tây Nha Trang	6,63
62	UBND xã Cà Ná	6,53
63	UBND xã Phước Hậu	6,47
64	UBND xã Phước Hà	6,33

PHẦN IV. PHÂN TÍCH TRỌNG TÂM

1. Các điểm mạnh nổi bật

1.1. Chi phí thời gian

Kết quả khảo sát DDCI năm 2025 cho thấy chỉ số chi phí thời gian là một trong những điểm sáng nổi bật trong chất lượng điều hành của các sở, ban, ngành và địa phương. Nhìn chung, mức điểm của chỉ số này tương đối cao và có sự đồng đều giữa các đơn vị, phản ánh nỗ lực cải cách thủ tục hành chính trong thời gian qua.

Ở nhóm sở, ban, ngành, hầu hết các đơn vị đạt trên 8 điểm, trong đó nhiều đơn vị đạt mức rất cao trên 9 điểm như Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tư pháp. Điều này cho thấy quy trình xử lý thủ tục hành chính, cấp phép và thanh tra, kiểm tra đã có sự cải thiện rõ rệt theo hướng minh bạch, nhanh gọn và giảm thiểu thời gian chờ đợi cho doanh nghiệp.

Tại nhóm địa phương, kết quả cũng ghi nhận mức độ hài lòng cao của doanh nghiệp, với nhiều đơn vị đạt trên 8 điểm. Đáng chú ý, khoảng cách điểm số giữa các đơn vị không quá lớn, cho thấy sự cải thiện mang tính đồng đều trên phạm vi toàn tỉnh.

Nhìn tổng thể, việc rút ngắn thời gian xử lý thủ tục không chỉ giúp doanh nghiệp giảm chi phí cơ hội mà còn góp phần nâng cao tính dự đoán của môi trường kinh doanh, từ đó củng cố niềm tin của nhà đầu tư.

1.2. Vai trò người đứng đầu

Vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được đánh giá là một trong những yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng điều hành. Điểm số của chỉ số này ở cả hai nhóm đều ở mức cao, phản ánh sự chủ động, trách nhiệm và mức độ quan tâm của lãnh đạo trong việc hỗ trợ doanh nghiệp.

Kết quả khảo sát cho thấy tại nhiều đơn vị, người đứng đầu đã thể hiện vai trò rõ nét trong việc chỉ đạo cải cách hành chính, xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, đồng thời tạo động lực cho bộ máy vận hành hiệu quả hơn.

Điều này khẳng định rằng yếu tố con người, đặc biệt là vai trò lãnh đạo, có ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao chất lượng điều hành, bên cạnh các yếu tố thể chế và quy trình.

1.3. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Chỉ số minh bạch và tiếp cận thông tin đạt mức điểm cao và nằm trong nhóm chỉ số dẫn đầu, phản ánh nỗ lực của các cơ quan, đơn vị trong việc công khai thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận chính sách.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn doanh nghiệp đánh giá tích cực khả năng tiếp cận văn bản pháp luật, chính sách ưu đãi và thông tin thủ tục hành chính. Đặc biệt, nhiều đơn vị đạt điểm không trọng số trên 8,00 cho thấy mức độ hài lòng tương đối cao.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế về tính cập nhật và khả năng truy cập thông tin trên môi trường số, cho thấy dư địa cải thiện trong thời gian tới.

2. Các điểm cần cải thiện

2.1. Chi phí không chính thức

Mặc dù chỉ số chi phí không chính thức đạt mức điểm tương đối cao, kết quả khảo sát cho thấy hiện tượng này vẫn chưa được xử lý triệt để và còn tồn tại ở một số khâu.

Sự chênh lệch điểm số giữa các đơn vị cho thấy cải thiện chưa đồng đều, và một bộ phận doanh nghiệp vẫn phản ánh việc phát sinh chi phí ngoài quy định để thuận lợi hơn trong xử lý công việc.

Đây là yếu tố có tính nhạy cảm cao, ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của doanh nghiệp và cần được ưu tiên cải thiện trong thời gian tới.

2.2. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp cho thấy sự phân hóa rõ rệt giữa các đơn vị, đặc biệt là ở nhóm địa phương. Mặc dù một số đơn vị đạt kết quả tốt, phần lớn các đơn vị còn lại có điểm số ở mức trung bình hoặc thấp.

Doanh nghiệp phản ánh rằng việc tiếp cận các chương trình hỗ trợ còn hạn chế, thủ tục tham gia chưa thực sự thuận lợi và hiệu quả hỗ trợ chưa cao. Điều này cho thấy chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chưa được triển khai đồng đều và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng gia tăng, việc nâng cao chất lượng và tính thực chất của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp là yêu cầu cấp thiết.

3. Chênh lệch giữa các nhóm đơn vị

3.1. Nhóm sở, ban, ngành và nhóm địa phương

Kết quả khảo sát cho thấy nhóm sở, ban, ngành nhìn chung có điểm số cao và ổn định hơn so với nhóm địa phương ở hầu hết các chỉ số thành phần. Điều này phản ánh sự chuyên nghiệp và tính chuẩn hóa cao hơn trong quy trình xử lý công việc tại cấp sở.

Trong khi đó, nhóm địa phương có mức độ phân hóa lớn hơn, với sự chênh lệch đáng kể giữa các đơn vị dẫn đầu và nhóm cuối bảng. Nguyên nhân có thể đến từ sự khác biệt về năng lực cán bộ, điều kiện hạ tầng và mức độ quan tâm của lãnh đạo tại từng địa phương.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng do áp dụng trọng số đánh giá khác nhau giữa hai nhóm, việc so sánh điểm số chỉ mang tính tham khảo về xu hướng, không phản ánh sự vượt trội tuyệt đối.

3.2. Chênh lệch giữa nhóm dẫn đầu và nhóm cuối bảng

Một đặc điểm nổi bật của kết quả DDCI 2025 là sự chênh lệch khá lớn giữa các đơn vị có thứ hạng cao và các đơn vị ở nhóm cuối, đặc biệt ở các chỉ số như hỗ trợ doanh nghiệp, cạnh tranh bình đẳng và chi phí không chính thức.

Các đơn vị thuộc nhóm dẫn đầu thường có điểm số cao đồng đều ở nhiều chỉ số, phản ánh chất lượng điều hành ổn định và toàn diện. Ngược lại, các đơn vị ở nhóm cuối thường có điểm thấp ở nhiều chỉ số, cho thấy tồn tại mang tính hệ thống.

Khoảng cách này cho thấy dư địa cải thiện còn lớn và cũng là cơ sở để tỉnh xác định các mô hình tốt để nhân rộng, đồng thời có giải pháp hỗ trợ các đơn vị yếu kém cải thiện năng lực điều hành.

3.3. Đánh giá kết quả DDCI và PCI tỉnh Khánh Hòa

Kết quả khảo sát DDCI năm 2025 cho thấy nhiều điểm tương đồng với kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) các năm qua của tỉnh Khánh Hòa, qua đó phản ánh tương đối nhất quán cảm nhận của cộng đồng doanh nghiệp về môi trường đầu tư kinh doanh và chất lượng điều hành của chính quyền trên địa bàn tỉnh.

Theo kết quả PCI, một số chỉ số thành phần của tỉnh được đánh giá tích cực và duy trì ở mức khá, bao gồm Chi phí thời gian, Tính minh bạch, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và Thiết chế pháp lý. Kết quả khảo sát DDCI năm 2025 cũng cho thấy xu hướng tương đồng khi các chỉ số được doanh nghiệp đánh giá cao tập trung ở Tính minh bạch và tiếp cận thông tin, Chi phí thời gian, Vai trò người đứng đầu và Thiết chế pháp lý. Điều này cho thấy những nỗ lực cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tính công khai,

minh bạch và tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh đã được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận ở cả cấp tỉnh và cấp sở, ngành, địa phương.

Bên cạnh đó, kết quả PCI cho thấy chỉ số Cạnh tranh bình đẳng vẫn là một trong những chỉ số có điểm số thấp của tỉnh. Kết quả DDCI năm 2025 cũng phản ánh xu hướng tương tự khi đây là nhóm chỉ số có mức điểm trung bình thấp hơn so với nhiều chỉ số thành phần khác ở cả nhóm sở, ban, ngành và nhóm địa phương. Sự tương đồng này cho thấy vấn đề bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng, tạo điều kiện tiếp cận công bằng đối với các nguồn lực, cơ hội kinh doanh và chính sách hỗ trợ vẫn là nội dung cần tiếp tục được quan tâm trong thời gian tới.

Tuy nhiên, giữa DDCI và PCI cũng xuất hiện một số khác biệt nhất định. Chẳng hạn, chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong PCI được đánh giá tương đối tích cực, trong khi kết quả DDCI cho thấy mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tại một số đơn vị vẫn còn chênh lệch đáng kể. Điều này phản ánh sự khác biệt giữa đánh giá ở cấp độ môi trường kinh doanh của toàn tỉnh và trải nghiệm cụ thể của doanh nghiệp đối với từng cơ quan, đơn vị trong quá trình tiếp xúc và giải quyết công việc.

Cần lưu ý rằng PCI và DDCI có phạm vi và đối tượng đánh giá khác nhau. PCI phản ánh cảm nhận của doanh nghiệp về môi trường kinh doanh và chất lượng điều hành ở cấp tỉnh, trong khi DDCI tập trung đánh giá chất lượng điều hành của từng sở, ban, ngành và địa phương. Do đó, việc đối chiếu giữa hai bộ chỉ số chủ yếu nhằm nhận diện các xu hướng chung và những vấn đề cần ưu tiên cải thiện, không nhằm so sánh trực tiếp điểm số hoặc thứ hạng giữa các chỉ số.

Nhìn chung, kết quả DDCI năm 2025 và PCI đều cho thấy tỉnh Khánh Hòa đã đạt được những kết quả tích cực trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp và đẩy mạnh cải cách hành chính. Đồng thời, cả hai bộ chỉ số đều chỉ ra một số lĩnh vực cần tiếp tục tập trung cải thiện, đặc biệt là nâng cao tính cạnh tranh bình đẳng, tăng hiệu quả các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp và bảo đảm các cải cách được triển khai đồng đều giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh.

PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận chung

Kết quả khảo sát DDCI năm 2025 cho thấy chất lượng điều hành kinh tế của tỉnh Khánh Hòa đã có những cải thiện tích cực, thể hiện qua mức điểm tương đối cao ở nhiều chỉ số thành phần như chi phí thời gian, tính minh bạch và vai trò của người đứng đầu. Những kết quả này phản ánh nỗ lực của các sở, ban, ngành và địa phương trong việc cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy sự phân hóa giữa các đơn vị vẫn còn rõ rệt, đặc biệt ở các chỉ số như hỗ trợ doanh nghiệp, chi phí không chính thức và tính năng động. Điều này cho thấy quá trình cải thiện chưa đồng đều và chưa thực sự bền vững.

Bên cạnh đó, một số tồn tại mang tính cấu trúc vẫn chưa được xử lý triệt để, bao gồm hạn chế trong tiếp cận thông tin, hiệu quả triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và tình trạng chi phí không chính thức. Những yếu tố này tiếp tục ảnh hưởng đến trải nghiệm thực tế của doanh nghiệp và là rào cản đối với việc nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Nhìn chung, DDCI năm 2025 đã cung cấp bức tranh tương đối đầy đủ về chất lượng điều hành kinh tế của tỉnh, đồng thời là cơ sở quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước xác định các ưu tiên cải cách trong thời gian tới.

2. Một số hạn chế cần cải thiện

Đây là lần đầu tiên tỉnh Khánh Hòa triển khai khảo sát DDCI với quy mô về số lượng đơn vị và vị trí địa lý trải dài, thời gian ngắn nên khó tránh khỏi một số hạn chế.

Thứ nhất, nhiều cơ quan, đơn vị và địa phương mới được thành lập hoặc kiện toàn trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất từ các đơn vị trước đây. Trong giai đoạn đầu vận hành, việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ, bố trí nhân sự, chuẩn hóa quy trình phối hợp và ổn định phương thức làm việc cần có thời gian nhất định. Điều này có thể ảnh hưởng đến cảm nhận của doanh nghiệp về tính năng động, khả năng phối hợp liên thông, mức độ hỗ trợ doanh nghiệp và hiệu quả giải quyết công việc của một số đơn vị.

Thứ hai, đây là năm đầu tiên thực hiện khảo sát DDCI trên phạm vi toàn tỉnh sau khi sắp xếp lại đơn vị hành chính. Nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh

chưa có nhiều thời gian tương tác, tiếp xúc với các đơn vị hành chính mới hoặc chưa phát sinh đầy đủ các thủ tục hành chính liên quan để có cơ sở đánh giá toàn diện. Vì vậy, đối với một số chỉ số thành phần, kết quả khảo sát có thể phản ánh nhiều hơn cảm nhận ban đầu của doanh nghiệp trong giai đoạn chuyển tiếp.

Thứ ba, thời gian triển khai khảo sát, thu thập và xử lý dữ liệu tương đối ngắn, chỉ diễn ra trong khoảng gần hai tháng. Trong khi đó, nhiều chính sách, quy trình và mô hình tổ chức mới đang trong quá trình hoàn thiện và vận hành thực tế. Do vậy, kết quả khảo sát chủ yếu phản ánh trạng thái tại thời điểm khảo sát và có thể chưa phản ánh đầy đủ hiệu quả của các giải pháp cải cách đang được triển khai.

Thứ tư, quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và địa giới hành chính cũng làm thay đổi phạm vi quản lý, số lượng đối tượng phục vụ và đặc điểm kinh tế - xã hội của nhiều đơn vị. Một số địa phương mới được hình thành từ việc hợp nhất nhiều đơn vị hành chính có điều kiện phát triển khác nhau, dẫn đến sự khác biệt về mức độ hài lòng và kỳ vọng của doanh nghiệp trên cùng một địa bàn. Điều này có thể tạo ra sự chênh lệch nhất định trong kết quả đánh giá giữa các chỉ số thành phần.

Thứ năm, việc đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính và tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ trong quá trình sắp xếp bộ máy đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực về tính minh bạch và chi phí thời gian. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu triển khai, một số doanh nghiệp vẫn cần thời gian để thích ứng với các phương thức giao dịch mới, từ đó có thể ảnh hưởng đến cảm nhận đối với chất lượng phục vụ và hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

Do đó, kết quả DDCI năm 2025 cần được xem là kết quả khảo sát của giai đoạn chuyển tiếp, có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết lập đường cơ sở cho hệ thống DDCI của tỉnh Khánh Hòa sau sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Các kết quả này không chỉ phản ánh hiện trạng mà còn là cơ sở để theo dõi xu hướng cải thiện chất lượng điều hành của các cơ quan, đơn vị và địa phương trong các năm tiếp theo.

3. Kiến nghị đối với UBND tỉnh

Báo cáo DDCI năm 2025 đã phác họa bức tranh tương đối toàn diện về chất lượng điều hành kinh tế của tỉnh Khánh Hòa trong bối cảnh chuyển đổi quan trọng về không gian phát triển, tổ chức bộ máy và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Kết quả khảo

sát cho thấy cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận những chuyển biến tích cực ở một số nền tảng điều hành, nhất là cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn chi phí thời gian, nâng cao vai trò người đứng đầu và cải thiện từng bước tính minh bạch trong cung cấp thông tin.

Tuy nhiên, các phát hiện từ khảo sát cũng cho thấy chất lượng điều hành chưa đồng đều giữa các sở, ban, ngành và địa phương; một số chỉ số thành phần còn có mặt bằng thấp hoặc phân hóa mạnh như hỗ trợ doanh nghiệp, chi phí không chính thức, tính năng động, cạnh tranh bình đẳng và khả năng tiếp cận nguồn lực. Điều này cho thấy cải cách đã có kết quả ban đầu nhưng chưa đủ vững chắc để tạo thành năng lực cạnh tranh cốt lõi của môi trường đầu tư kinh doanh địa phương.

Trên cơ sở kết quả khảo sát DDCI năm 2025, đối chiếu với định hướng cải thiện PCI và yêu cầu phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong giai đoạn mới, kiến nghị UBND tỉnh Khánh Hòa xem xét chỉ đạo bảy nhóm khuyến nghị chính sách trọng tâm sau:

3.1. Chuyển DDCI từ công cụ xếp hạng thành công cụ quản trị cải cách và trách nhiệm giải trình

DDCI năm 2025 cần được nhìn nhận không chỉ là kết quả đo lường cảm nhận của doanh nghiệp tại một thời điểm, mà là hệ thống dữ liệu quản trị giúp UBND tỉnh nhận diện điểm nghẽn cụ thể trong từng khâu thực thi, từng nhóm chỉ số và từng cơ quan, đơn vị. Trong bối cảnh tỉnh mới vận hành sau sắp xếp đơn vị hành chính, bộ chỉ số này có ý nghĩa như đường cơ sở để theo dõi xu hướng cải thiện chất lượng điều hành trong các năm tiếp theo.

Thứ nhất, cần đưa kết quả DDCI vào quy trình theo dõi, đánh giá thường xuyên chất lượng điều hành của từng sở, ban, ngành và UBND cấp xã, phường. Việc sử dụng DDCI không nên dừng ở công bố điểm số hoặc xếp hạng, mà phải được chuyển hóa thành kế hoạch hành động cụ thể, xác định rõ chỉ số cần cải thiện, nhiệm vụ ưu tiên, thời hạn hoàn thành, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của người đứng đầu.

Thứ hai, cần gắn DDCI với cơ chế thi đua, khen thưởng, đánh giá cải cách hành chính và trách nhiệm giải trình. Các đơn vị có điểm số thấp, giảm điểm hoặc có mức độ hài lòng thấp ở các chỉ số then chốt cần báo cáo nguyên nhân, giải pháp khắc phục và tiến độ thực hiện. Ngược lại, những đơn vị có kết quả tốt cần được lựa chọn để tổng kết, nhân rộng mô hình, quy trình và cách làm hiệu quả.

Thứ ba, cần xây dựng cơ chế giám sát sau công bố DDCI. UBND tỉnh có thể giao một cơ quan đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch cải thiện DDCI hằng quý, báo cáo rõ các nhiệm vụ đã hoàn thành, nhiệm vụ chậm tiến độ và các vướng mắc vượt thẩm quyền. Cách tiếp cận này giúp DDCI trở thành công cụ điều hành liên tục, thay vì chỉ là hoạt động khảo sát định kỳ.

3.2. Nâng cao tính minh bạch, ổn định và khả năng dự báo của môi trường chính sách

Tính minh bạch là nền tảng để giảm bất định chính sách, giảm chi phí tuân thủ và củng cố niềm tin của doanh nghiệp. Kết quả DDCI cho thấy tỉnh đã có chuyển biến tích cực trong công khai thông tin, song nhu cầu của doanh nghiệp không chỉ là “có thông tin”, mà là thông tin phải đầy đủ, cập nhật, dễ tra cứu, dễ hiểu và có thể sử dụng trực tiếp trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Thứ nhất, cần rà soát và chuẩn hóa việc công khai các nhóm thông tin có tác động trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp, gồm: thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, phí và lệ phí; quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, quỹ đất, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư; chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp và các hướng dẫn liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, phòng cháy chữa cháy.

Thứ hai, cần thiết lập kênh thông tin chính sách chính thức, tập trung và có khả năng cập nhật thường xuyên. Các cổng thông tin điện tử của tỉnh, sở, ngành và địa phương cần được liên thông với Cổng dịch vụ công, có chức năng tìm kiếm thuận tiện, văn bản hướng dẫn theo từng nhóm thủ tục và chuyên mục riêng cho doanh nghiệp. Đối với các chính sách mới, cần có bản tóm tắt ngắn gọn, ngôn ngữ dễ hiểu, nêu rõ đối tượng áp dụng, điều kiện thụ hưởng, hồ sơ cần chuẩn bị và đầu mối hỗ trợ.

Thứ ba, cần công khai tiến độ xử lý hồ sơ và kết quả giải quyết theo thời gian thực đối với các thủ tục có tần suất giao dịch cao hoặc dễ phát sinh vướng mắc. Khi doanh nghiệp có thể theo dõi trạng thái hồ sơ, biết rõ hồ sơ đang ở khâu nào, cơ quan nào xử lý và thời hạn còn lại bao lâu, áp lực giám sát sẽ tăng lên, đồng thời giảm dư địa cho việc yêu cầu bổ sung hồ sơ nhiều lần hoặc kéo dài thời gian xử lý không có lý do chính đáng.

3.3. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí thời gian và kiểm soát chi phí không chính thức

Cải cách thủ tục hành chính là lĩnh vực tỉnh đã có nhiều nỗ lực, nhưng yêu cầu trong giai đoạn tới không chỉ là xử lý nhanh hơn, mà còn phải làm cho quy trình trở nên dễ dự đoán hơn, ít tiếp xúc trực tiếp hơn và ít phát sinh chi phí không chính thức hơn. Đây là điều kiện quan trọng để củng cố niềm tin của doanh nghiệp vào chất lượng phục vụ của khu vực công.

Thứ nhất, cần tiếp tục chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, hướng dẫn và xử lý hồ sơ, nhất là trong các lĩnh vực doanh nghiệp thường xuyên tương tác như đăng ký kinh doanh, đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, thuế, hải quan, phòng cháy chữa cháy và cấp phép kinh doanh có điều kiện. Hướng dẫn thủ tục cần thống nhất giữa cấp tỉnh và cấp cơ sở; hạn chế tối đa tình trạng mỗi nơi giải thích khác nhau hoặc yêu cầu thêm thành phần hồ sơ ngoài quy định.

Thứ hai, cần đẩy mạnh số hóa quy trình thực chất, không chỉ dừng ở tiếp nhận hồ sơ trực tuyến. Các bước thẩm định, luân chuyển, ký số, thanh toán phí, trả kết quả và lưu trữ hồ sơ cần được thực hiện đồng bộ trên môi trường điện tử. Việc giảm tiếp xúc trực tiếp không cần thiết là giải pháp quan trọng để giảm chi phí thời gian và phòng ngừa chi phí không chính thức.

Thứ ba, cần tăng cường thanh tra công vụ, kiểm tra đột xuất và cơ chế phản ánh độc lập, bảo mật đối với các lĩnh vực có nguy cơ phát sinh chi phí không chính thức. Kết quả xử lý các vụ việc điển hình cần được công khai ở mức phù hợp để tạo hiệu ứng răn đe, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp phản ánh trung thực. Cơ chế đánh giá sự hài lòng ngay sau giao dịch cần được sử dụng như một chỉ báo cảnh báo sớm về chất lượng phục vụ.

3.4. Cải thiện tiếp cận nguồn lực và bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng

Tiếp cận nguồn lực và cạnh tranh bình đẳng là hai nhóm vấn đề có liên hệ trực tiếp với quyết định đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh và niềm tin dài hạn của doanh nghiệp. Nếu thông tin về đất đai, dự án, tín dụng, đấu thầu hoặc chính sách hỗ trợ không minh bạch và dễ tiếp cận, doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ có nguy cơ bị đặt vào vị thế bất lợi so với các doanh nghiệp có quan hệ hoặc nguồn lực tốt hơn.

Thứ nhất, cần công khai đầy đủ, nhất quán và dễ tra cứu thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, danh mục dự án thu hút đầu tư, quỹ đất sạch, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư và tiến độ xử lý hồ sơ dự án. Song song với đó, tỉnh cần tăng cường rà soát các diện tích đất đã giao, cho thuê nhưng chậm đưa vào sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích để tạo thêm quỹ đất sạch cho các dự án có hiệu quả và phù hợp định hướng phát triển.

Thứ hai, cần thực hiện nghiêm nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp trong tiếp cận đất đai, tín dụng, đấu thầu, mua sắm công, chính sách ưu đãi và hỗ trợ. Các tiêu chí lựa chọn, quy trình xét duyệt và kết quả thực hiện cần được công khai ở mức tối đa có thể, bảo đảm doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận thông tin và tham gia cạnh tranh trên cùng một mặt bằng.

Thứ ba, cần mở rộng các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, tư vấn hồ sơ tín dụng và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn vốn phù hợp. UBND tỉnh có thể giao các sở, ngành phối hợp với hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và các địa phương tổ chức đối thoại theo nhóm ngành, nhóm quy mô doanh nghiệp, qua đó xử lý cụ thể các vướng mắc về tài sản bảo đảm, phương án kinh doanh, hồ sơ pháp lý và khả năng tiếp cận các chương trình hỗ trợ lãi suất hoặc bảo lãnh tín dụng.

3.5. Nâng cao hiệu quả thực chất của chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và kết nối thị trường

Một chính sách hỗ trợ chỉ có ý nghĩa khi doanh nghiệp biết đến, tiếp cận được và thụ hưởng được. Kết quả DDCI cho thấy hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp vẫn còn phân hóa giữa các đơn vị, địa phương, phản ánh khoảng cách giữa chính sách được ban hành và khả năng đi vào thực tiễn. Trọng tâm cải cách trong giai đoạn tới cần chuyển từ “có chương trình hỗ trợ” sang “hỗ trợ đúng nhu cầu và đo lường được kết quả”.

Thứ nhất, cần rà soát toàn bộ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đang triển khai trên địa bàn tỉnh, phân loại theo nhóm đối tượng thụ hưởng, ngành nghề, quy mô, địa bàn và mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp. Các điều kiện tiếp cận cần được đơn giản hóa; quy trình đăng ký, xét duyệt, tư vấn và phản hồi kết quả cần được công khai; mỗi chương trình phải có đầu mối chịu trách nhiệm rõ ràng.

Thứ hai, cần ưu tiên các hình thức hỗ trợ tác động trực tiếp đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, gồm tư vấn pháp lý, hỗ trợ thủ tục đất đai - đầu tư - xây dựng,

đào tạo lao động, chuyển đổi số, đổi mới quy trình quản trị, tiếp cận vốn, xúc tiến thương mại, kết nối thị trường và tham gia chuỗi cung ứng. Các hoạt động hỗ trợ đại trà, nặng về hội nghị, tập huấn hình thức cần được thu hẹp, thay bằng mô hình tư vấn chuyên sâu và đồng hành theo nhóm nhu cầu cụ thể.

Thứ ba, cần xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thống nhất để phục vụ truyền thông chính sách và thiết kế hỗ trợ có mục tiêu. Trên cơ sở dữ liệu về ngành nghề, quy mô, địa bàn, tình trạng hoạt động và nhu cầu hỗ trợ, cơ quan nhà nước có thể gửi thông tin chính sách đúng nhóm đối tượng, đánh giá tỷ lệ tiếp cận, đo lường mức độ hài lòng và điều chỉnh chương trình hỗ trợ theo bằng chứng thực tiễn.

3.6. Củng cố cơ chế phối hợp liên ngành, đối thoại doanh nghiệp và phản hồi nhanh kiến nghị

Nhiều vướng mắc của doanh nghiệp không nằm trọn trong thẩm quyền của một cơ quan, mà liên quan đồng thời đến đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, môi trường, thuế, tín dụng, phòng cháy chữa cháy và chính quyền cơ sở. Vì vậy, năng lực điều hành của tỉnh trong giai đoạn tới phụ thuộc lớn vào khả năng điều phối liên ngành, phân công rõ trách nhiệm và theo dõi đến cùng kết quả xử lý.

Thứ nhất, cần thiết lập cơ chế điều phối chung về PCI và DDCI theo nguyên tắc rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn và rõ kết quả. Mỗi nhóm chỉ số thành phần cần có cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính, đồng thời xác định các cơ quan phối hợp, cơ chế chia sẻ dữ liệu và thời hạn phản hồi. Việc chuyển trách nhiệm qua lại hoặc trả lời chung chung cần được xem là một biểu hiện của chất lượng phục vụ thấp và phải được chấn chỉnh.

Thứ hai, cần duy trì đối thoại doanh nghiệp theo chuyên đề, tập trung vào các nhóm vướng mắc có tần suất cao và tác động lớn. Sau mỗi cuộc đối thoại, UBND tỉnh cần ban hành thông báo kết luận với danh mục nhiệm vụ cụ thể, cơ quan thực hiện, thời hạn hoàn thành và phương thức báo cáo kết quả. Cơ chế đối thoại chỉ thực sự có hiệu quả khi doanh nghiệp nhìn thấy kiến nghị của mình được xử lý, không chỉ được ghi nhận.

Thứ ba, cần phát triển kênh tiếp nhận, theo dõi và phản hồi kiến nghị trực tuyến, cho phép doanh nghiệp giám sát tình trạng xử lý, bổ sung thông tin và đánh giá mức độ hài lòng sau khi nhận kết quả. Các kiến nghị tồn đọng, quá hạn hoặc liên quan đến nhiều

cơ quan cần được tổng hợp định kỳ để lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ, nhất là đối với các dự án đầu tư, thủ tục đất đai, xây dựng và môi trường.

3.7. Nâng cao năng lực chính quyền cơ sở và duy trì DDCI thường niên trong bối cảnh chính quyền địa phương 2 cấp

Sau sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, nhiều địa phương có phạm vi quản lý rộng hơn, số lượng đối tượng phục vụ lớn hơn và điều kiện phát triển không đồng đều hơn. Đây là nguyên nhân khách quan có thể làm gia tăng chênh lệch về chất lượng phục vụ, nhưng cũng là yêu cầu đặt ra đối với tỉnh trong việc chuẩn hóa năng lực thực thi ở cấp cơ sở.

Thứ nhất, cần rà soát năng lực, quy trình và chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức tại bộ phận một cửa và các lĩnh vực thường xuyên tiếp xúc với doanh nghiệp. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cần tập trung vào kỹ năng hướng dẫn thủ tục, kỹ năng sử dụng nền tảng số, đạo đức công vụ, kỹ năng đối thoại với doanh nghiệp và năng lực xử lý tình huống phát sinh trong thực thi chính sách.

Thứ hai, cần có cơ chế hỗ trợ riêng đối với các đơn vị, địa phương có điểm số thấp hoặc có mức độ cải thiện chậm. Việc hỗ trợ không nên dừng ở yêu cầu “nâng cao trách nhiệm”, mà cần đi kèm hướng dẫn cụ thể về quy trình, biểu mẫu, dữ liệu, cách thức tiếp nhận và xử lý phản ánh, cũng như cơ chế học tập kinh nghiệm từ các đơn vị có kết quả tốt hơn. Mục tiêu là thu hẹp chênh lệch chất lượng điều hành giữa các địa phương, không chỉ nâng điểm bình quân toàn tỉnh.

Thứ ba, cần duy trì khảo sát DDCI hằng năm với phương pháp ổn định, dữ liệu chuẩn hóa và quy trình tổ chức độc lập, khách quan. Bên cạnh khảo sát định kỳ, tỉnh có thể triển khai khảo sát nhanh theo chuyên đề hoặc khảo sát sau giao dịch đối với các thủ tục trọng điểm. Nguồn lực cho DDCI cần được bảo đảm ở cả ba khía cạnh: tài chính, nhân sự và hạ tầng công nghệ, để kết quả khảo sát trở thành dữ liệu đầu vào thường xuyên cho chỉ đạo điều hành.

Tổng thể, các nhóm khuyến nghị trên hướng tới một mục tiêu xuyên suốt: chuyên hóa kết quả DDCI thành động lực cải cách thực chất, giúp Khánh Hòa xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, thuận lợi, công bằng và có khả năng dự báo cao hơn. Thành công của tỉnh trong giai đoạn tới không chỉ được đo bằng thứ hạng PCI hay DDCI, mà bằng khả năng biến một môi trường điều hành được doanh nghiệp ghi nhận

thành năng lực cạnh tranh thực chất, niềm tin thị trường và sức phát triển bền vững của khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: TRỌNG SỐ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

STT	Quyền số và tính toán chỉ số DDCI tổng hợp	Trọng số của Sở Ban Ngành	Trọng số của địa phương
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	1,5	2,0
2	Tính năng động	1,5	2,0
3	Chi phí thời gian	1,0	1,0
4	Chi phí không chính thức	1,0	1,0
5	Cạnh tranh bình đẳng	1,0	1,0
6	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	2,0	1,0
7	Thiết chế pháp lý	1,0	1,0
8	Vai trò người đứng đầu	1,0	1,0
Điểm tổng hợp		10,0	10,0

PHỤ LỤC 2: BẢNG XẾP HẠNG CHI TIẾT
NHÓM SỞ BAN NGÀNH

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	Sở Tư pháp	87,17
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	86,97
3	Sở Xây dựng	84,55
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	83,25
5	BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp	77,98
6	Sở Y tế	77,73
7	Sở Tài chính	75,92
8	Bảo hiểm xã hội tỉnh	74,91
9	Chi cục Hải quan khu vực XIII	74,10
10	Công an tỉnh	73,51
11	Sở Nội vụ	72,10
12	Sở Công thương	70,71
13	Sở Khoa học và Công nghệ	70,67
14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	70,66

NHÓM ĐỊA PHƯƠNG

STT	Đơn vị được đánh giá	Điểm
1	UBND xã Suối Hiệp	87,69
2	UBND xã Công Hải	87,32
3	UBND xã Đại Lãnh	87,23
4	UBND xã Anh Dũng	84,85
5	UBND xã Cam An	84,29
6	UBND xã Diên Điền	84,17
7	UBND xã Bắc Ninh Hòa	83,43
8	UBND xã Thuận Bắc	82,04
9	UBND phường Đông Ninh Hòa	81,18
10	UBND phường Hòa Thắng	76,52

11	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	76,43
12	UBND phường Nha Trang	75,78
13	UBND xã Suối Dầu	74,96
14	UBND phường Ninh Hòa	74,74
15	UBND xã Mỹ Sơn	74,63
16	UBND xã Khánh Vĩnh	74,62
17	UBND xã Bắc Ái Tây	74,46
18	UBND phường Phan Rang	74,34
19	UBND xã Cam Hiệp	74,09
20	UBND xã Bắc Ái Đông	73,65
21	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	73,18
22	UBND xã Bắc Ái	73,16
23	UBND phường Nam Nha Trang	73,02
24	UBND xã Diên Khánh	72,35
25	UBND phường Đô Vinh	72,30
26	UBND xã Tân Định	72,08
27	UBND phường Đông Hải	72,00
28	UBND xã Ninh Sơn	71,84
29	UBND xã Tây Ninh Hòa	71,80
30	UBND xã Nam Ninh Hòa	71,58
31	UBND phường Tây Nha Trang	71,52
32	UBND xã Lâm Sơn	71,51
33	UBND xã Diên Lâm	71,21
34	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	70,74
35	UBND xã Tu Bông	70,59
36	UBND phường Bảo An	70,19
37	UBND xã Hòa Trí	70,05
38	UBND phường Ba Ngòi	69,84
39	UBND phường Cam Linh	69,84
40	UBND xã Vạn Ninh	69,83

41	UBND phường Ninh Chữ	69,78
42	UBND xã Vĩnh Hải	69,64
43	UBND phường Cam Ranh	69,31
44	UBND xã Đông Khánh Sơn	69,30
45	UBND xã Xuân Hải	69,15
46	UBND xã Phước Hữu	69,10
47	UBND xã Tây Khánh Sơn	68,96
48	UBND xã Nam Cam Ranh	68,22
49	UBND xã Phước Dinh	68,13
50	UBND xã Diên Thọ	67,84
51	UBND xã Cam Lâm	67,79
52	UBND xã Khánh Sơn	67,25
53	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	66,85
54	UBND xã Diên Lạc	66,65
55	UBND phường Bắc Cam Ranh	66,62
56	UBND xã Vạn Hưng	66,58
57	UBND xã Ninh Hải	66,28
58	UBND xã Ninh Phước	65,49
59	UBND xã Vạn Thắng	64,72
60	UBND xã Thuận Nam	64,71
61	UBND phường Bắc Nha Trang	63,53
62	UBND xã Cà Ná	60,80
63	UBND xã Phước Hà	60,58
64	UBND xã Phước Hậu	58,45

MA TRẬN 8 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN NHÓM SỞ, BAN, NGÀNH

Đơn vị	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Tính năng động	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý	Vai trò người đứng đầu
Sở Tư pháp	9,25	9,10	9,12	9,72	8,27	7,91	7,06	9,65
Sở Giáo dục và Đào tạo	9,23	9,01	9,13	9,07	8,04	8,03	7,41	9,88
Sở Xây dựng	8,99	9,06	9,10	9,11	7,71	7,74	7,06	9,03
Sở Nông nghiệp và Môi trường	8,90	8,62	8,93	9,00	8,01	7,62	6,90	8,91
Bảo hiểm xã hội tỉnh	8,49	7,60	8,34	6,49	5,23	7,06	7,81	8,79
Sở Tài chính	8,28	7,34	7,92	6,94	7,00	7,15	7,90	8,44
Sở Công thương	8,19	6,72	9,19	7,66	5,45	6,50	6,93	6,12
Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	8,01	7,01	9,11	7,50	5,63	6,51	6,71	6,17
BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp	8,00	9,34	8,16	8,66	7,33	6,50	6,82	8,00
Sở Y tế	8,00	9,23	8,37	8,66	7,33	6,50	6,51	8,00
Sở Nội vụ	7,91	6,75	8,01	6,45	7,34	6,50	7,31	8,00
Công an tỉnh	7,85	7,38	8,02	7,03	6,53	6,88	6,93	8,38
Hải quan KV XIII	7,77	8,27	7,66	5,99	6,49	6,56	7,81	9,00
Sở Khoa học và Công nghệ	7,77	6,72	7,70	6,31	6,59	6,38	7,57	8,00

MA TRẬN 8 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN NHÓM ĐỊA PHƯƠNG

STT	Đơn vị được đánh giá	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Tính năng động	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý	Vai trò người đứng đầu
1	UBND xã Công Hải	8,09	8,49	8,10	9,91	8,41	7,97	10,00	9,80
2	UBND xã Đại Lãnh	8,20	8,40	8,00	9,82	8,41	8,00	9,80	9,87
3	UBND xã Suối Hiệp	9,22	8,75	8,83	8,81	8,44	7,02	9,07	9,60
4	UBND xã Diên Điền	8,47	8,30	7,53	8,91	9,05	7,38	8,97	8,80
5	UBND xã Anh Dũng	8,85	9,14	8,78	8,08	7,96	6,23	8,53	9,30
6	UBND xã Cam An	9,37	8,89	8,83	7,15	7,66	7,35	7,00	9,80
7	UBND xã Thuận Bắc	9,09	7,24	9,00	8,74	8,20	5,67	9,60	8,20
8	UBND xã Bắc Ninh Hòa	9,52	9,05	9,10	6,58	4,44	9,10	7,07	10,00
9	UBND phường Đông Ninh Hòa	9,77	9,20	9,23	5,61	3,41	9,23	6,03	9,73
10	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	8,32	8,30	8,20	5,91	6,34	6,88	6,93	8,93
11	UBND xã Mỹ Sơn	7,24	7,85	7,70	6,89	7,42	6,22	7,30	8,93
12	UBND xã Suối Dầu	8,09	7,62	8,02	6,04	7,76	7,37	6,17	8,20
13	UBND xã Cam Hiệp	7,70	7,65	8,53	5,70	7,96	7,17	6,10	7,93
14	UBND phường Ninh Hòa	9,12	6,94	8,63	6,17	5,74	6,77	6,33	9,00
15	UBND phường Nha Trang	9,24	7,92	8,40	5,94	5,03	7,12	6,07	8,93
16	UBND phường Nam Nha Trang	7,25	7,37	8,25	7,66	8,41	5,47	6,00	8,00
17	UBND xã Khánh Vĩnh	8,27	8,00	7,48	6,07	6,72	6,72	7,07	8,03
18	UBND xã Bắc Ái Đông	7,45	7,85	7,65	6,47	8,08	5,82	6,43	8,60
19	UBND xã Bắc Ái Tây	7,80	8,45	7,88	5,53	7,29	5,82	6,37	9,07
20	UBND phường Hòa Thắng	9,82	8,50	6,67	5,88	5,67	5,40	6,53	9,73
21	UBND phường Đô Vinh	7,09	7,19	6,97	7,20	7,30	7,27	7,10	7,93

22	UBND xã Bắc Ái	7,35	7,82	7,63	6,27	7,86	5,93	6,33	8,80
23	UBND phường Phan Rang	8,32	8,35	7,57	5,91	5,79	7,27	5,93	8,53
24	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	8,00	7,87	7,82	6,00	6,42	5,48	7,33	8,40
25	UBND phường Tây Nha Trang	7,25	7,32	7,75	7,51	9,10	5,40	6,00	6,63
26	UBND xã Ninh Sơn	7,39	7,87	7,90	5,89	7,14	5,78	5,97	8,67
27	UBND xã Diên Lâm	7,30	7,37	7,78	6,58	5,79	6,58	6,97	8,17
28	UBND phường Đông Hải	7,94	7,70	7,78	6,24	6,69	5,32	7,23	7,47
29	UBND phường Bảo An	6,87	7,05	7,12	6,38	7,35	7,02	6,57	7,93
30	UBND xã Diên Khánh	8,04	8,19	8,13	5,38	5,48	6,88	5,57	8,47
31	UBND xã Lâm Sơn	7,05	8,42	7,78	5,47	6,51	5,72	6,23	8,87
32	UBND xã Tân Định	8,45	7,92	7,32	5,25	5,25	6,40	6,07	9,07
33	UBND xã Tây Ninh Hòa	8,35	7,75	7,55	5,25	5,25	6,75	6,00	8,80
34	UBND xã Tu Bông	7,44	7,52	7,40	6,15	6,86	6,48	5,93	7,87
35	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	7,87	7,35	7,67	5,98	6,07	5,58	7,27	7,73
36	UBND xã Nam Ninh Hòa	8,35	7,75	7,55	5,25	5,25	6,80	6,00	8,53
37	UBND phường Cam Ranh	6,85	7,05	7,70	6,13	6,64	6,93	5,97	8,13
38	UBND phường Ba Ngòi	7,25	7,25	7,25	6,00	7,34	6,25	6,00	8,00
39	UBND phường Cam Linh	7,25	7,25	7,25	6,00	7,34	6,25	6,00	8,00
40	UBND xã Vĩnh Hải	7,22	7,25	7,45	6,97	6,15	4,70	7,33	8,10
41	UBND xã Xuân Hải	6,84	7,17	8,52	6,17	6,68	5,05	6,73	8,00
42	UBND xã Tây Khánh Sơn	6,77	7,17	7,58	6,62	7,10	5,10	7,10	7,60
43	UBND phường Ninh Chữ	7,30	7,50	7,60	6,30	5,83	5,45	7,10	7,90
44	UBND xã Hòa Trí	7,75	7,37	7,63	5,25	5,25	7,35	5,93	8,40
45	UBND xã Vạn Ninh	7,40	7,65	7,43	5,33	6,34	6,42	6,40	7,80
46	UBND xã Đông Khánh Sơn	7,35	7,24	7,52	6,74	5,42	5,20	6,87	8,40

47	UBND xã Phước Hữu	7,52	7,00	7,15	5,53	6,82	6,53	6,00	8,03
48	UBND xã Phước Dinh	7,14	7,02	7,58	5,87	6,62	6,38	5,57	7,80
49	UBND xã Cam Lâm	7,24	6,92	7,12	6,58	5,81	5,52	6,50	7,97
50	UBND xã Nam Cam Ranh	7,10	7,49	6,53	5,89	6,58	6,52	5,80	7,73
51	UBND xã Diên Thọ	7,25	7,02	7,17	5,89	6,37	5,15	6,70	8,03
52	UBND xã Khánh Sơn	7,30	6,50	7,63	6,47	5,95	5,17	6,23	8,20
53	UBND xã Vạn Hưng	6,74	6,85	7,12	6,18	6,70	6,05	5,60	7,77
54	UBND xã Diên Lạc	6,57	7,27	7,50	5,84	5,98	5,00	6,67	8,00
55	UBND phường Bắc Cam Ranh	6,84	7,05	7,12	5,57	7,08	6,55	5,07	7,47
56	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	7,09	7,04	7,25	5,94	6,31	4,72	7,07	7,33
57	UBND xã Ninh Hải	6,72	6,92	7,92	6,10	5,73	4,50	6,80	7,97
58	UBND xã Ninh Phước	6,77	7,14	6,93	5,56	6,08	5,52	6,00	7,60
59	UBND xã Vạn Thắng	6,47	6,84	7,43	5,82	6,00	5,47	5,40	8,00
60	UBND xã Thuận Nam	7,10	6,87	7,00	6,02	5,34	4,68	7,00	6,73
61	UBND phường Bắc Nha Trang	6,80	6,49	7,40	5,28	6,53	5,35	5,60	6,80
62	UBND xã Phước Hà	6,04	6,20	6,85	5,62	5,48	5,10	6,73	6,33
63	UBND xã Cà Ná	6,84	5,79	6,68	5,55	5,25	5,05	6,50	6,53
64	UBND xã Phước Hậu	6,37	5,85	7,15	5,55	5,27	3,65	5,93	6,47

PHỤ LỤC 3: BẢNG HỎI KHẢO SÁT
CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2025



PHIẾU KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP
ĐỐI TƯỢNG: SỞ, BAN, NGÀNH

Đơn vị được khảo sát:

Mã Doanh nghiệp khảo sát:

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở ban ngành và địa phương (DDCI) là bộ chỉ số đánh giá và xếp hạng các Sở ban ngành và địa phương về chất lượng điều hành kinh tế, đóng góp vào việc xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, chỉ số DDCI được xây dựng với mục đích kép: một mặt trao quyền cho doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp địa phương đóng góp tiếng nói và thực thi vai trò giám sát các hoạt động điều hành kinh tế của tỉnh, mặt khác đặt các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Khánh Hòa vào tâm thế thường trực cải cách và nâng cao chất lượng dịch vụ. Qua đó góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Cuộc khảo sát được triển khai trên quy mô toàn tỉnh và do một đơn vị nghiên cứu độc lập tiến hành. Rất mong nhận được sự chia sẻ, hợp tác của Quý doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin xác thực và đầy đủ.

Trong phiếu khảo sát, thuật ngữ “**doanh nghiệp**” được hiểu bao gồm các nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã đang nghiên cứu, đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tất cả thông tin trong Phiếu khảo sát này sẽ chỉ được sử dụng duy nhất vào mục đích thống kê và nghiên cứu. Chúng tôi cam kết bảo mật tất cả các thông tin mà doanh nghiệp cung cấp.

Mẫu phiếu khảo sát này dùng để đánh giá Sở, ban, ngành thuộc tỉnh Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ).

Trân trọng cảm ơn!

PHẦN B - ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT CỦA DOANH NGHIỆP
VỀ NĂNG LỰC ĐIỀU HÀNH SỞ, BAN, NGÀNH

*Cơ quan, đơn vị mà chúng tôi đề nghị để lấy ý kiến doanh nghiệp trong Phiếu khảo sát này sẽ được gọi chung là **ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ**, xin quý doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến của mình về các tiêu chí đánh giá dưới đây:*

A) TÍNH MINH BẠCH TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

A1. Doanh nghiệp đánh giá mức độ dễ dàng tiếp cận các thông tin sau từ ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ: *(Chỉ chọn MỘT phương án cho mỗi nhận định)*

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
1. Tiếp cận thông tin quy hoạch, tài liệu pháp lý, thủ tục hành chính được công bố công khai thuộc phạm vi đơn vị đánh giá quản lý	☐	☐	☐	☐
2. HÀi lòng với chất lượng và mức độ hữu ích của thông tin công bố	☐	☐	☐	☐
3. Doanh nghiệp quan sát thấy minh bạch trong đấu thầu	☐	☐	☐	☐
4. Phí và lệ phí giải quyết TTHC được công khai, đúng quy định của pháp luật.	☐	☐	☐	☐

A2. Trong năm 2025, Doanh nghiệp đã từng truy cập vào trang web/cổng thông tin điện tử của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ chưa?

Thường xuyên truy cập	Thỉnh thoảng truy cập	Chưa từng truy cập vì không có nhu cầu	Chưa từng truy cập vì không biết đến website
☐	☐	☐	☐

A3. Mức độ hữu ích của thông tin trên cổng thông tin điện tử đối với doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thông tin (tìm hiểu thông tin, tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ)?

Rất hữu ích	Hữu ích	Chưa hữu ích	Chưa từng truy cập
☐	☐	☐	☐

A4. Doanh nghiệp vui lòng cho biết đã ứng dụng CNTT và chuyển đổi số vào các hoạt động như quản lý kho, quản lý đơn hàng, CRM, kế toán online, ERP, hệ thống đặt hàng, thanh toán điện tử... chưa?

Phiếu khảo sát chỉ được sử dụng duy nhất vào mục đích thống kê và nghiên cứu. Chúng tôi cam kết bảo mật tất cả thông tin doanh nghiệp cung cấp.

Ứng dụng toàn bộ	Chỉ dùng một số ứng dụng	Chưa dùng ứng dụng nào
☐	☐	☐

A5. Doanh nghiệp vui lòng cho biết “Kết quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong phục vụ sản xuất kinh doanh có hiệu quả không? như giảm thời gian, giảm chi phí, tăng năng suất, tăng doanh thu, cải thiện trải nghiệm khách hàng, giảm lỗi?”

Hiệu quả	Chưa hiệu quả	Chưa dùng ứng dụng nào
☐	☐	☐

B) TÍNH NĂNG ĐỘNG

B1. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định sau không: “ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ có đóng góp tích cực cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh chung của tỉnh”

Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/không có ý kiến
☐	☐	☐	☐

B2. Đối với khu vực kinh tế tư nhân, thái độ và hành động của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ là tích cực (như hỗ trợ pháp lý, tiếp cận thông tin, xử lý thủ tục...).

Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/không có ý kiến
☐	☐	☐	☐

B3. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về các nhận định sau đây, liên quan đến tính năng động, sáng tạo của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và của UBND tỉnh? (Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/không có ý kiến
1. ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh	☐	☐	☐	☐
2. Chủ động thực hiện các giải	☐			☐

pháp thúc đẩy phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp		☐	☐	
3. Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	☐	☐	☐	☐

C) CHI PHÍ THỜI GIAN

C1. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về hoạt động thanh, kiểm tra của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ.

a) Số lần các đoàn công tác của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2025?

0 lần	01 lần	Trên 01 lần
☐	☐	☐ Số lần:.....

b) Hoạt động thanh tra kiểm tra của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ có gây cản trở đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không?

Có	Không	Chưa từng bị thanh tra kiểm tra
☐	☐	☐

C2. Vui lòng cho biết đánh giá của doanh nghiệp về thời gian giải quyết các công việc của doanh nghiệp tại ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ như thế nào?

Nhanh chóng, kịp thời	Chấp nhận được	Giải quyết chậm	Rất chậm
☐	☐	☐	☐

C3. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định bên dưới (*Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định*)

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/không có ý kiến
1. Doanh nghiệp không cần phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục.	☐	☐	☐	☐

2. Doanh nghiệp đồng ý với nhận định cán bộ nhà nước thân thiện	☐	☐	☐	☐
3. Thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp tiết giảm thời gian và chi phí	☐	☐	☐	☐

D) CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC

Chi phí không chính thức là những khoản chi ngoài quy định pháp luật mà doanh nghiệp chi ra cho cán bộ/cơ quan nhà nước để thủ tục được giải quyết nhanh hơn, tránh phiền hà hoặc chậm trễ

Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến với các nhận định sau ở ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ? (Chỉ chọn **MỘT** phương án với mỗi nhận định)

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/không có ý kiến
1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến	☐	☐	☐	☐
2. Doanh nghiệp cho rằng cần có mối quan hệ để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc được thuận lợi	☐	☐	☐	☐
3. Doanh nghiệp không phải sử dụng chi phí không chính thức trong năm 2025	☐	☐	☐	☐

E) CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG

E1. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định “ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ưu tiên cho các doanh nghiệp lớn có đóng góp lớn cho địa phương như: tạo việc làm, nộp thuế, tài trợ chương trình/hoạt động địa phương hơn là doanh nghiệp vừa và nhỏ”?

Hoàn toàn Đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/không có ý kiến
☐	☐	☐	☐

E2. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định “ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ưu tiên cho các doanh nghiệp thân quen”?

Hoàn toàn Đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/không có ý kiến
☐	☐	☐	☐

E3. Sự bất bình đẳng đối xử đó có gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp không?

Khó khăn	Có nhưng không ảnh hưởng nhiều	Không ảnh hưởng tới doanh nghiệp	Không biết/không có ý kiến
☐	☐	☐	☐

F) CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

F1. Doanh nghiệp đã tham gia chương trình hỗ trợ nào dưới đây do ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ chủ trì triển khai? (có thể chọn nhiều đáp án)

Các chương trình hỗ trợ	Đã tham gia/được hưởng	Thủ tục để tham gia/được hưởng có dễ dàng?	Không tổ chức/không được mời
1. Các buổi phổ biến chính sách, quy định pháp luật	☐	☐	☐
PHẦN HỖ TRỢ ĐẶC THÙ RIÊNG CỦA SỞ, BAN, NGÀNH			
2. Hỗ trợ đào tạo lao động, xúc tiến thương mại, lĩnh vực xây dựng, công nghệ và sở hữu trí tuệ, thuế, chuyển đổi số, phát triển nông nghiệp, phát triển du lịch,...	☐	☐	☐

F2. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về chất lượng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp?

Rất thiết thực	Thiết thực	Ít thiết thực	Chưa tham gia chương trình hỗ trợ
☐	☐	☐	☐

F3. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định sau không: “Tại các cuộc đối thoại, trao

đối với doanh nghiệp do Sở, ban, ngành tổ chức; các kiến nghị, khó khăn của doanh nghiệp được ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ giải quyết thỏa đáng”

Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Chưa tham gia đối thoại
☐	☐	☐	☐

G) THIẾT CHẾ PHÁP LÝ

G1. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về những nhận định sau? (Chỉ chọn **MỘT** phương án với mỗi nhận định)

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
1. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ do UBND tỉnh ban hành trong năm qua chậm so với nhu cầu thực	☐	☐	☐	☐
2. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ do UBND tỉnh ban hành trong năm qua có dễ dàng thực hiện không	☐	☐	☐	☐

G2. Doanh nghiệp vui lòng cho biết nhận định sau về khiếu nại đối với ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ:

Chưa từng mong muốn khiếu nại	Đã từng muốn nhưng chưa khiếu nại	Không khiếu nại vì chưa biết hoặc chưa hiểu quy trình thủ tục khiếu nại	Không khiếu nại vì sợ ảnh hưởng đến doanh nghiệp/ không được giải quyết
☐	☐	☐	☐

H) VAI TRÒ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

H1. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định bên dưới (Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
1. Người đứng đầu ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp	☐	☐	☐	☐
2. Người đứng đầu ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức, viên chức	☐	☐	☐	☐
3. Người đứng đầu ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ công khai xử lý vi phạm của cán bộ cấp dưới do doanh nghiệp phản ánh	☐	☐	☐	☐
4. Lãnh đạo các ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân	☐	☐	☐	☐

H2. Doanh nghiệp mong muốn ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ cải thiện điều gì quan trọng trong năm tới đây?

Đề xuất cải thiện

.....

.....

.....

.....

C – THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

Câu 1. Doanh nghiệp được thành lập hoặc bắt đầu hoạt động được bao nhiêu năm?

- ☐ 1-3 năm ☐ 3-10 năm ☐ trên 10 năm

Câu 2. Doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh chính tại phường/xã nào?

.....

.....Câu 3. Doanh nghiệp của bạn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nào?

(chỉ chọn MỘT phương án)

- | | |
|---|--|
| ☐ Công nghiệp/ Chế tạo | ☐ Xây dựng |
| ☐ Dịch vụ/ Thương mại | ☐ Nông nghiệp/ Lâm nghiệp/ Thủy sản |
| ☐ Khai khoáng | ☐ Khác: |

Câu 4. Loại hình doanh nghiệp theo giấy CNĐKDN *(chỉ chọn MỘT phương án)*

- | | |
|---|---|
| ☐ Doanh nghiệp tư nhân | ☐ Công ty TNHH |
| ☐ Công ty Cổ phần | ☐ Công ty hợp danh |
| ☐ Hợp tác xã | ☐ Hộ kinh doanh cá thể |
| ☐ Khác: | |

Câu 5. Tổng số lao động của doanh nghiệp

- | | |
|--|--|
| ☐ Ít hơn 05 lao động | ☐ Từ 05 đến 19 lao động |
| ☐ Từ 20 đến 49 lao động | ☐ Trên 50 lao động |
| ☐ Khác: | |

Ngày hoàn thành phiếu khảo sát: / /2026

Chúng tôi một lần nữa cam kết rằng thông tin anh/chị cung cấp sẽ được bảo mật, chỉ phục vụ duy nhất mục đích xác nhận thông tin. Tính khuyết danh trong tất cả các tài liệu và báo cáo sẽ được đảm bảo tuyệt đối.

Xin chân thành cảm ơn Quý Doanh nghiệp đã tham gia khảo sát!

**CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA
PHƯƠNG**

**DDCI
2025**

TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2025

PHIẾU KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP

**ĐỐI TƯỢNG: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG/XÃ THUỘC TỈNH KHÁNH
HÒA**

Đơn vị được khảo sát: UBND.....

Mã Doanh nghiệp khảo sát:

PHẦN A - GIỚI THIỆU VỀ CUỘC KHẢO SÁT

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở ban ngành và địa phương (DDCI) là bộ chỉ số đánh giá và xếp hạng các Sở ban ngành và địa phương về chất lượng điều hành kinh tế, đóng góp vào việc xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, chỉ số DDCI được xây dựng với mục đích kép: một mặt trao quyền cho doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp địa phương đóng góp tiếng nói và thực thi vai trò giám sát các hoạt động điều hành kinh tế của tỉnh, mặt khác đặt các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Khánh Hòa vào tâm thế thường trực cải cách và nâng cao chất lượng dịch vụ. Qua đó góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Cuộc khảo sát được triển khai trên quy mô toàn tỉnh và do một đơn vị nghiên cứu độc lập tiến hành. Rất mong nhận được sự chia sẻ, hợp tác của Quý doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin xác thực và đầy đủ.

Trong phiếu khảo sát, thuật ngữ “**doanh nghiệp**” được hiểu bao gồm các nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã đang nghiên cứu, đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tất cả thông tin trong Phiếu khảo sát này sẽ chỉ được sử dụng duy nhất vào mục đích thống kê và nghiên cứu. Chúng tôi cam kết bảo mật tất cả các thông tin mà doanh nghiệp cung cấp.

Mẫu phiếu khảo sát này dùng để đánh giá Ủy ban nhân dân phường/xã thuộc tỉnh Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là Chính quyền phường xã).

Trân trọng cảm ơn!

**PHẦN B - ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT CỦA DOANH NGHIỆP
VỀ NĂNG LỰC ĐIỀU HÀNH CHÍNH QUYỀN PHƯỜNG/XÃ**

*Cơ quan, đơn vị mà chúng tôi đề nghị để lấy ý kiến doanh nghiệp trong Phiếu khảo sát này sẽ được gọi chung là **CHÍNH QUYỀN CẤP PHƯỜNG, XÃ**, xin quý doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến của mình về các tiêu chí đánh giá dưới đây:*

A) TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN

A1. Doanh nghiệp đánh giá mức độ dễ dàng tiếp cận các thông tin sau từ Chính quyền phường/xã: *(Chỉ chọn MỘT phương án cho mỗi nhận định)*

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
1. Tiếp cận thông tin quy hoạch, tài liệu pháp lý, thủ tục hành chính được công bố công khai thuộc phạm vi đơn vị đánh giá quản lý	☐	☐	☐	☐
2. Hải lòng với chất lượng và mức độ hữu ích của thông tin công bố	☐	☐	☐	☐
3. Doanh nghiệp quan sát thấy minh bạch trong đấu thầu	☐	☐	☐	☐
4. Phí và lệ phí giải quyết TTHC được công khai, đúng quy định của pháp luật.	☐	☐	☐	☐

A2. Mức độ hữu ích của thông tin trên cổng thông tin điện tử đối với doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thông tin (tìm hiểu thông tin, tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ)?

Rất hữu ích	Hữu ích	Chưa hữu ích	Chưa từng truy cập
☐	☐	☐	☐

A3. Doanh nghiệp vui lòng cho biết đã ứng dụng CNTT và chuyển đổi số vào các hoạt động như quản lý kho, quản lý đơn hàng, CRM, kế toán online, ERP, hệ thống

đặt hàng, thanh toán điện tử... chưa?

Ứng dụng toàn bộ	Chỉ dùng một số ứng dụng	Chưa dùng ứng dụng nào
☐	☐	☐

A4. Doanh nghiệp vui lòng cho biết “Kết quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong phục vụ sản xuất kinh doanh có hiệu quả không? như giảm thời gian, giảm chi phí, tăng năng suất, tăng doanh thu, cải thiện trải nghiệm khách hàng, giảm lỗi?

Hiệu quả	Chưa hiệu quả	Chưa dùng ứng dụng nào
☐	☐	☐

B) TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ VAI TRÒ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

B1. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định sau không: “Chính quyền phường/xã có đóng góp tích cực cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh chung của phường/xã”.

Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
☐	☐	☐	☐

B2. Đối với khu vực kinh tế tư nhân, thái độ và hành động của Chính quyền phường/xã là tích cực (như hỗ trợ pháp lý, tiếp cận thông tin, xử lý thủ tục...).

Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
☐	☐	☐	☐

B3. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về các nhận định sau đây, liên quan đến tính năng động, sáng tạo của Chính quyền phường/xã triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và của UBND tỉnh? *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
1. UBND phường/xã năng động	☐	☐	☐	☐

và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh				
2. Chủ động thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn	☐	☐	☐	☐
3. Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	☐	☐	☐	☐

C) CHI PHÍ THỜI GIAN

C1. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về hoạt động thanh, kiểm tra của Chính quyền phường/xã trong năm vừa qua:

a) Số lần các đoàn công tác của Chính quyền phường/xã tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp?

0 lần	01 lần	Trên 01 lần
☐	☐	☐ Số lần:.....

b) Hoạt động thanh tra kiểm tra của Chính quyền phường/xã đã từng gây cản trở đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không?

Có	Không	Chưa từng bị thanh tra kiểm tra
☐	☐	☐

C2. Vui lòng cho biết đánh giá của doanh nghiệp về thời gian giải quyết các công việc của doanh nghiệp tại Chính quyền địa phương như thế nào?

Nhanh chóng, kịp thời	Chấp nhận được	Giải quyết chậm	Rất chậm
☐	☐	☐	☐

C3. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định bên dưới (*Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định*)

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
1. Doanh nghiệp không cần phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục.	☐	☐	☐	☐
2. Doanh nghiệp đồng ý với nhận định cán bộ nhà nước thân thiện	☐	☐	☐	☐
3. Thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp tiết giảm thời gian và chi phí	☐	☐	☐	☐

D) CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC

Chi phí không chính thức là những khoản chi ngoài quy định pháp luật mà doanh nghiệp chi ra cho cán bộ/cơ quan nhà nước để thủ tục được giải quyết nhanh hơn, tránh phiền hà hoặc chậm trễ.

Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến với các nhận định sau ở Chính quyền phường/xã (*Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định*)

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đòn g ý	Khôn g đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến	☐	☐	☐	☐
2. Doanh nghiệp cho rằng cần có mối quan hệ để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc được thuận lợi	☐	☐	☐	☐
3. Doanh nghiệp không phải sử dụng chi phí không chính thức trong năm 2025	☐	☐	☐	☐

E) CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG

E1. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định “Chính quyền phường/xã ưu tiên cho các doanh nghiệp lớn có đóng góp lớn cho địa phương như: tạo việc làm, nộp thuế, tài trợ chương trình/hoạt động địa phương hơn là doanh nghiệp vừa và nhỏ”?

Hoàn toàn Đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
☐	☐	☐	☐

E2. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định “Chính quyền phường/xã ưu tiên cho các doanh nghiệp thân quen”?

Hoàn toàn Đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
☐	☐	☐	☐

E3. Sự bất bình đẳng đối xử đó có gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp không?

Rất khó khăn	Khó khăn	Có nhưng không ảnh hưởng nhiều	Không biết/ không có ý kiến
☐	☐	☐	☐

F) CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

F1. Doanh nghiệp đã tham gia chương trình hỗ trợ nào dưới đây được Chính quyền phường/xã tổ chức? (có thể chọn nhiều đáp án)

Các chương trình hỗ trợ	Đã tham gia/được hưởng	Thủ tục để tham gia/được hưởng có dễ dàng?	Không tổ chức/ không được mời
1. Các buổi tập huấn/đào tạo, phổ biến chính sách, quy định pháp luật	☐	☐	☐

2. Hỗ trợ phát triển kinh doanh (tham gia hội chợ, mở rộng thị trường, đào tạo quản lý, tiếp cận tín dụng,...)	☐	☐	☐
--	--------------------------	--------------------------	--------------------------

F2. Doanh nghiệp vui lòng cho ý kiến về chất lượng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp?

Rất thiết thực	Thiết thực	Ít thiết thực	Chưa từng được hỗ trợ
☐	☐	☐	☐

F3. Từ kinh nghiệm sử dụng lao động của doanh nghiệp bạn, xin hãy đánh giá chất lượng của lao động tại địa phương:

Đáp ứng hoàn toàn nhu cầu sử dụng	Đáp ứng phần lớn nhu cầu sử dụng	Chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng
☐	☐	☐

F4. Doanh nghiệp vui lòng cho biết thực trạng kinh doanh những năm vừa qua: *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

Tiêu chí	Có	Không
1. Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu	☐	☐
2. Doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng kinh doanh	☐	☐
3. Doanh nghiệp báo cáo có lãi trong năm gần đây nhất	☐	☐

F5. Liên quan đến tiếp cận đất đai, doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định dưới đây? *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
1. Các giao dịch liên quan đến đất đai, mặt bằng kinh doanh để mở rộng sản xuất, đầu tư dễ dàng	☐	☐	☐	☐
2. Thủ tục hành chính liên quan đến sử dụng đất đai được thông tin công khai, hướng dẫn cụ thể	☐	☐	☐	☐
3. Chính quyền phường/xã làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường thỏa đáng	☐	☐	☐	☐

F6. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định sau không: “Tại các cuộc đối thoại, trao đổi với doanh nghiệp do Chính quyền phường/xã tổ chức; các kiến nghị, khó khăn của doanh nghiệp được giải quyết thỏa đáng”

Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Chưa từng tham gia đối thoại
☐	☐	☐	☐

G) THIẾT CHẾ PHÁP LÝ

G1. Doanh nghiệp vui lòng cho biết đánh giá về năng lực giải quyết vấn đề pháp lý của Chính quyền phường/xã

a. Doanh nghiệp có từng gửi phản ánh, kiến nghị đối với cán bộ hoặc chính quyền phường/xã chưa?

Có	Không
☐ Nếu có , vui lòng cho biết phản ánh, kiến nghị của Ông/Bà có được trả lời đầy đủ, kịp thời hay không?	☐ (Lý do: Có thể chọn NHIỀU phương án)

☐ Chưa nhận được câu trả lời ☐ Trả lời không đầy đủ, chậm trễ ☐ Tạm được ☐ Trả lời tương đối đầy đủ nội dung và kịp thời ☐ Trả lời đầy đủ nội dung và nhanh chóng	☐ Lo ngại tình trạng bị “trù dập”, phân biệt đối xử. ☐ Không tin vào phán quyết công bằng ☐ Thời gian giải quyết quá dài ☐ Chưa đến mức phải gửi phản ánh, kiến nghị ☐ Làm rất tốt, không có vấn đề cần kiến nghị
--	--

b. Doanh nghiệp nhận được phản hồi và giải quyết thỏa đáng sau khi gửi kiến nghị, phản ánh.

Có	Không	Chưa từng gửi kiến nghị, phản ánh
☐	☐	☐

G2. Doanh nghiệp cho biết mức độ đồng tình/ủng hộ với những nhận định dưới đây: (chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
1. Hiện tượng trộm cắp, đột nhập trái phép còn phổ biến trên địa bàn	☐	☐	☐	☐
2. Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn được đánh giá là tốt, không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh	☐	☐	☐	☐
3. Chính quyền phường/xã giải quyết có hiệu quả các vụ việc mất cắp, thiệt hại tài sản của doanh nghiệp trên địa bàn	☐	☐	☐	☐
4. Doanh nghiệp phải trả các chi phí cho dịch vụ bảo kê để được yên ổn sản xuất kinh doanh	☐	☐	☐	☐

H) VAI TRÒ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

H1. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định bên dưới (Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết/ không có ý kiến
1. Người đứng đầu Chính quyền phường/xã lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp	☐	☐	☐	☐
2. Người đứng đầu Chính quyền phường/xã quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức, viên chức	☐	☐	☐	☐
3. Người đứng đầu Chính quyền cấp phường/xã đã hành động để thực hiện các cam kết giải quyết vấn đề khó khăn cho doanh nghiệp	☐	☐	☐	☐
4. Lãnh đạo Chính quyền phường/xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân	☐	☐	☐	☐

H2. Doanh nghiệp mong muốn ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ cải thiện điều gì quan trọng trong năm tới đây?

Đề xuất cải thiện

.....

.....

.....

.....

C – THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

Câu 1. Doanh nghiệp được thành lập hoặc bắt đầu hoạt động bao nhiêu năm?

- ☐ 1-3 năm ☐ 3-10 năm ☐ trên 10 năm

Câu 2. Doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh chính tại phường/xã nào?

.....
.....

Câu 3. Doanh nghiệp của bạn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nào? (chỉ chọn MỘT phương án)

- | | |
|---|--|
| ☐ Công nghiệp/ Chế tạo | ☐ Xây dựng |
| ☐ Dịch vụ/ Thương mại | ☐ Nông nghiệp/ Lâm nghiệp/ Thủy sản |
| ☐ Khai khoáng | ☐ Khác: |

Câu 4. Loại hình doanh nghiệp theo giấy CNĐKDN (chỉ chọn MỘT phương án)

- | | |
|---|---|
| ☐ Doanh nghiệp tư nhân | ☐ Công ty TNHH |
| ☐ Công ty Cổ phần | ☐ Công ty hợp danh |
| ☐ Hợp tác xã | ☐ Hộ kinh doanh cá thể |
| ☐ Khác: | |

Câu 5. Tổng số lao động của doanh nghiệp

- | | |
|--|--|
| ☐ Ít hơn 05 lao động | ☐ Từ 05 đến 19 lao động |
| ☐ Từ 20 đến 49 lao động | ☐ Trên 50 lao động |
| ☐ Khác: | |

Ngày hoàn thành phiếu khảo sát: / /2026

Chúng tôi một lần nữa cam kết rằng thông tin anh/chị cung cấp sẽ được bảo mật, chỉ phục vụ duy nhất mục đích xác nhận thông tin. Tính khuyết danh trong tất cả các tài liệu và báo cáo sẽ được đảm bảo tuyệt đối.

Xin chân thành cảm ơn Quý Doanh nghiệp đã tham gia khảo sát!